

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA

Những năm cuối thế kỷ XX, khi đất nước bước vào nền kinh tế thị trường, mở cửa hợp tác, kêu gọi đầu tư với nước ngoài, tốc độ đô thị hóa phát triển nhanh mạnh góp phần tạo lập một diện mạo kiến trúc đô thị và nông thôn.

Trong bối cảnh đó, Bộ Xây dựng đã thành lập Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc đặt tại trường Đại học Kiến trúc Hà Nội (1992). Năm 1994, Trung tâm trực thuộc Bộ Xây dựng. Năm 1996, Bộ tiếp tục thành lập Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa Xây dựng trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc với Viện Tiêu chuẩn hóa Xây dựng. Tháng 12/1996, Viện được đổi tên thành Viện Nghiên cứu Kiến trúc. Với chức năng nghiên cứu phát triển kiến trúc và tiêu chuẩn hóa xây dựng Việt Nam.

Viện Nghiên cứu Kiến trúc ra đời đã bắt đầu đẩy

mạnh nghiên cứu phát triển kiến trúc với mục tiêu xây dựng nền Kiến trúc Việt Nam hiện đại có bản sắc. Hàng loạt các đề tài nghiên cứu về tính dân tộc, hiện đại trong kiến trúc; Các khảo sát, đề xuất cải tạo bảo tồn di sản, công trình kiến trúc... đã làm sục sôi ý chí, tinh thần nghiên cứu khoa học về kiến trúc cho nhiều thế hệ cán bộ nghiên cứu của Viện.

Tính từ thời điểm 1992 đến nay, Viện KTQG cũng đã có tới gần 30 năm hoạt động chính thức trên lĩnh vực NCKH chuyên ngành Kiến trúc. Hàng trăm đề tài, nhiệm vụ nghiên cứu góp ích cho xã hội, Ngành, địa phương trong công tác quản lý kiến trúc, nghiên cứu, định hướng, bảo tồn và phát triển kiến trúc. Đây cũng là những thành quả đóng góp đầy ý nghĩa của Viện đối với sự nghiệp chung của ngành Xây dựng.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Thời kỳ 1996 - 2002:

Ngay từ những năm đầu thành lập, công tác nghiên cứu lịch sử, phát triển kiến trúc đã có những đóng góp quan trọng vào việc định hướng, phát triển kiến trúc đô thị, nông thôn theo mục tiêu xây dựng nền Kiến trúc Việt Nam hiện đại có bản sắc dân tộc của Ngành Xây dựng.

Cụ thể, Viện đã hoàn thành xuất sắc đề tài: "Tình dân tộc và hiện đại trong Kiến trúc" - Đề tài cấp Bộ R9319 nghiệm thu năm 1996; Tổ chức nhiều hội thảo về bản sắc dân tộc Kiến trúc Việt Nam. Các nghiên cứu đã được tập hợp công bố trong hai tập sách: "Bàn về vấn đề dân tộc

và hiện đại trong Kiến trúc Việt Nam" NXB Xây dựng Hà Nội - Tập I in năm 1994 và tập II in năm 1995. Các tập sách có nội dung bổ ích cho nghiên cứu, giảng dạy và sáng tạo kiến trúc, thực hiện đường lối "Xây dựng và phát triển nền văn hóa tiêu biểu đậm đà bản sắc dân tộc" mà Nghị quyết TW5 khóa 8 năm 1986 và Nghị quyết 23 của Bộ Chính trị 2007 đã nêu.

Từ năm 1998 - 2001 Viện đã thực hiện đề tài cấp Nhà nước "Định hướng phát triển Kiến trúc Việt Nam theo quan điểm giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc". Nội dung nghiên cứu là cơ sở đóng góp cho "Định hướng phát triển



Viện Nghiên cứu Kiến trúc và Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn đồng tổ chức hội thảo “Vấn đề bản sắc dân tộc trong quy hoạch kiến trúc các công trình”. (2000)



Hội thảo Khoa học “Đánh giá quý di sản Kiến trúc vùng Nam bộ” (2009)



Phó Viện trưởng Nguyễn Bá Đương bảo vệ đề tài bảo tồn tôn tạo khu di tích Chùa Bà Mụ, TP Hội An (2000)

Kiến trúc Việt Nam đến năm 2020” của Bộ Xây dựng.

Đề tài đã nghiên cứu các yếu tố góp phần tạo ra bản sắc dân tộc trong Kiến trúc truyền thống Việt Nam và đưa ra các đề xuất về tiêu chí bản sắc dân tộc từ tổng thể kiến trúc trong quy hoạch, đến các thể loại công trình. Điểm này có nhiều sự tương đồng đã nêu trong “Định hướng phát triển Kiến trúc Việt Nam đến năm 2020” và như Điều 5 của Luật Kiến trúc mới được Quốc hội thông qua ngày 13/6/2019 về bản sắc dân tộc trong Kiến trúc...

Để phục vụ cho định hướng phát triển Kiến trúc Việt Nam theo khuynh hướng hiện đại, giữ gìn bản sắc dân tộc, Viện đã tiến hành khảo cứu kinh nghiệm các nước qua đề tài: “Nghiên cứu Kiến trúc truyền thống, hiện đại của các nước ASEAN” (mã số R9710, đề tài cấp Bộ được thực hiện từ tháng 3/1997 đến tháng 3/2000. Đề tài đã được khảo cứu biên soạn đối với 10 nước: Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Singapore, Brunei, Philippines, Việt Nam, Lào, Campuchia, Myanmar.

Đề tài mang tính thời sự, tăng cường hiểu biết về văn hóa Kiến trúc các nước trong khu vực, tìm ra những nét tương đồng, những đổi mới của các nền Kiến trúc từ truyền thống chuyển sang hiện đại trong thời kỳ hội nhập văn hóa toàn cầu để từ đó tăng cường hơn nữa mối giao lưu văn hóa kiến trúc giữa các nước, đồng thời tham khảo, học tập, rút kinh nghiệm đối với Việt Nam.

Trong giai đoạn này, Viện đặt trọng tâm nghiên cứu 2 vấn đề lớn là: Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản kiến trúc đô thị, nông thôn và Nghiên cứu về lĩnh vực nhà ở và công trình công cộng.

Về Mục tiêu nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị của các di sản kiến trúc đô thị, nông thôn:

Từ năm 1992 - 1996, các cán bộ nghiên cứu của Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc trước và tiếp theo là Viện Nghiên cứu kiến trúc đã tiến hành triển khai đề tài cấp Nhà nước KC11- 04 về “Cải tạo Bảo tồn nâng cấp các khu phố cổ cũ (từ đầu thế kỷ XIX) trong các đô thị Việt Nam”. Đề tài được nghiệm thu kết quả xuất sắc năm 1996, đánh giá cao trên các góc độ:

Đề tài đã nhận dạng, đánh giá và phân loại các khu phố cổ, cũ đặc trưng, lập danh mục các khu phố cổ cũ với các công trình tiêu biểu cần bảo tồn ở các đô thị được hình thành từ đầu thế kỉ XIX, như Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hưng Yên (Phố Hiến), Lạng Sơn, Huế (Hội An), Đà Nẵng, Đà Lạt, TP Hồ Chí Minh...

Lập Quy chế cải tạo, Bảo tồn nâng cấp các khu vực phố cổ cũ. Lập các thí điểm cho giải pháp cải tạo, bảo tồn kiểu phố cổ cũ Hà Nội như khu 36 phố phường Hà Nội Việt Nam.

Có thể nói đề tài đã mở đầu cho thời kỳ bảo tồn, tôn tạo các di sản văn hóa, lịch sử, kiến trúc, bảo tồn các khu phố cổ cũ, các làng cổ trong phát triển đô thị, nông thôn theo hướng hiện đại có bản sắc. Nội dung đã có trong “Định hướng phát triển Kiến trúc Việt Nam đến năm 2020” - NXB Xây dựng năm 2003 và trong Luật Kiến trúc mới được ban hành năm 2019.

Từ 1996 - 1999, tiếp theo đề tài KC11 - 04 Viện đã triển khai một số đề tài đi sâu cho các đô thị như: “Dự án điều tra hiện trạng về di sản và cảnh quan để đề xuất bảo tồn di sản và cảnh quan thiên nhiên trong sự phát triển kinh tế xã hội hiện nay cho thành phố Đà Lạt” (Quyết định số 552/BXD/KH-XL ngày 25/10/1996). Dự án được nghiệm thu đánh giá xuất sắc 1999.

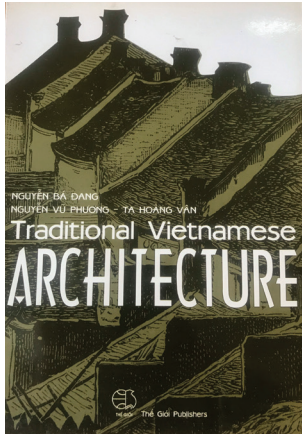
Từ năm 2000 - 2002, Viện thực hiện Đề tài “Nghiên cứu Bảo tồn tôn tạo phát triển Khu phố cổ Hà Nội” thuộc chương trình hợp tác Khoa học và Công nghệ giữa Việt Nam - Bungari (2000 - 2002). Đề tài đã được nghiệm thu tháng 4/2002. Nội dung đề tài đã đề cập đến kinh nghiệm thực tế của Bungari trong bảo tồn tôn tạo các công trình kết cấu gỗ, kết cấu gạch, bê tông và đặc biệt là các phương pháp gia cường nền móng tường chống thấm, thông gió, an toàn phòng hỏa...

Từ năm 1997 - 1998, Viện đã được giao thực hiện dự án: “Lập kế hoạch tổng thể thực hiện quyết định 70/BXD/KY-QH về quy hoạch bảo vệ, tôn tạo và phát triển Khu phố cổ Hà Nội”. Dự án được nghiệm thu đạt kết quả tốt, là cơ sở tốt giúp cho Ban Quản lý phố cổ triển khai từng bước các kế hoạch bảo tồn di sản kiến trúc cũng như giúp cải tạo nâng cao tiện nghi nhà ở đã xuống cấp ở khu “36 phố phường” Hà Nội.

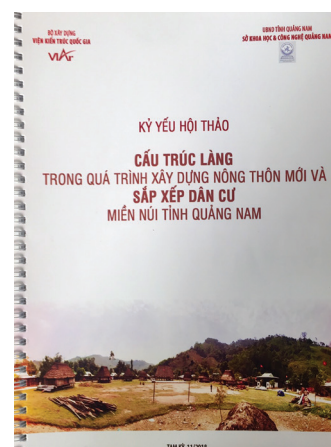
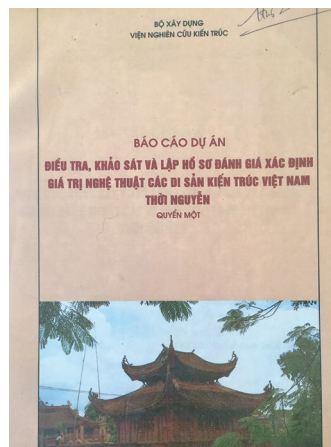
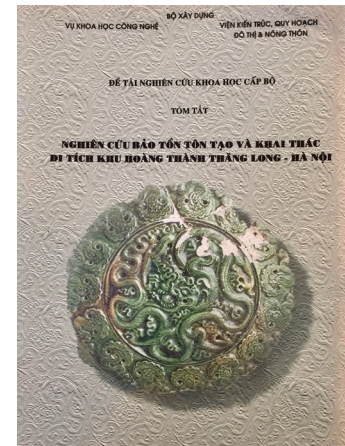
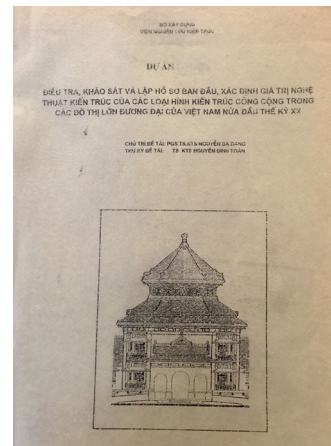
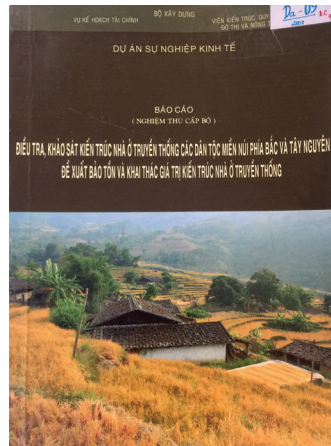
Từ năm 1994 - 2001, Viện đã có nhiều nghiên cứu, phối hợp với Trung tâm Quản lý Bảo tồn di tích Hội An, hợp tác với chuyên gia và sinh viên Nhật Bản, với Cục Bảo tồn, Bảo tàng (Bộ Văn hóa - Thông tin) trong việc hoàn chỉnh hồ sơ kiến trúc phố cổ Hội An (như điều tra, khảo sát, vẽ ghi, chụp ảnh được đánh giá hàng trăm ngôi nhà cổ, các đình, đền, chùa cổ ở Hội An). Dự án bảo tồn phố Cổ Hội An có sự tham gia của Viện Nghiên cứu Kiến trúc đã được bằng khen của Hội di sản Châu Á - Thái Bình Dương - UNESCO.

Từ năm 1995 - 1998, Cục Bảo tồn, Bảo tàng Bộ Văn hóa - Thông tin cũng đã giao cho Viện Chủ trì thực hiện lập hồ sơ Khoa học di tích lịch sử văn hóa kiến trúc 9 di tích Côn Sơn, Kim Liên, Chùa Dầu, đình Tường Phiêu, đình Chu Quyến, đền Kiếp Bạc, đền Quán Thánh, Chùa Bối Khê. Viện đã phối hợp với Sở Văn hóa các địa phương có di tích kể trên cùng các chuyên gia ngoài Viện để... thực hiện.

Từ 1997 - 2002, Viện Nghiên cứu Kiến trúc đã được Cục Bảo tồn,



Một số ấn phẩm sách về kiến trúc truyền thống



Một số sản phẩm NCKH về lĩnh vực kiến trúc truyền thống

Bảo tàng (Bộ VH-TT) mời Chủ trì thực hiện 04 đề tài khảo sát, điều tra về quản lý đánh giá nhà ở dân gian truyền thống nông thôn tại 4 tỉnh Bắc Ninh, Nam Định, Quảng Ngãi, Quảng Nam. Kết quả nghiên cứu là cơ sở giúp cho việc định hướng bảo tồn, tôn tạo các nhà dân gian truyền thống tại các tỉnh kể trên.

Năm 2003, Viện xuất bản cuốn Bảo tồn cảnh quan kiến trúc làng truyền thống Việt Nam bằng ba thứ tiếng Việt - Anh - Pháp, các làng truyền thống như Làng Bát Tràng, Làng Triều Khúc, Làng Đồng Kỵ, Làng Đình Bảng, Làng Vạn Phúc, Làng Cổ Đường Lâm, Bản Mường Bi, Bản Lác (Mai Châu), Bản Người Thái đã được giới thiệu trong sách.

Viện đã dành nhiều thời gian công sức, điều tra, lập hồ sơ nhà cổ, nghiên cứu Làng cổ Đường Lâm (Sơn Tây - Hà Nội); Làm cơ sở khoa học cho Nhà nước công nhận Làng cổ Đường Lâm trở thành Di tích văn hóa lịch sử cấp Quốc gia.

Về lĩnh vực nhà ở và công trình công cộng.

Năm 1998, Viện đã được nghiệm thu đề tài: “Nhà ở trong điều kiện khí hậu Nhiệt đới nóng ẩm”. Kết quả đề tài thể hiện ở các nội dung: Nghiên cứu, phân vùng khí hậu xây dựng theo 5 tiểu vùng; Đề ra yêu cầu cần thiết kỹ thuật phù hợp với khí hậu như: yêu cầu thông gió, cách nhiệt chống nóng, chiếu sáng, chiếu nắng, chống ẩm, cách ẩm chống ồn; Vai trò cây xanh, môi trường, cảnh quan đối với các không gian ở, không gian kín, không gian hở và bán kín bán hở; Nội thất và ngoại thất trong không gian ở.

Từ kết quả đề tài, Viện đã cho xuất bản sách “Kiến trúc và khí hậu Nhiệt đới Việt Nam”. Cuốn sách là tư liệu quý tham khảo hữu ích cho các KTS trong quá trình sáng tạo, thiết kế công trình phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam, thể hiện bản sắc văn hóa cốt lõi của dân tộc. Cuốn sách được giải thưởng Kiến trúc năm 1998.

Cũng trong năm 1998, Viện đã được mời tham gia vào các Ban Chủ nhiệm đề tài, thực hiện đề tài “Công tác Kiến trúc Quy hoạch với việc Xây dựng nhà cao tầng tại Hà Nội” - Mã số 02-03/01-93.33. Đề tài đã được nghiệm thu năm 1998 và góp phần giúp cho Văn phòng Kiến trúc sư Trưởng Hà Nội chủ động trong việc bố trí không gian đô thị phục vụ cho sự nghiệp phát triển nhà cao tầng tại Hà Nội. Đảm bảo giữ gìn cảnh quan di sản văn hóa, làm cho Hà Nội ngày một hiện đại, văn minh, có bản sắc.

Ngoài nhà ở cao tầng, các thể loại nhà ở trong đô thị Việt Nam đã được Viện Nghiên cứu từ nhà biệt thự (Biệt thự cao cấp độc lập đến biệt thự ghép hay còn gọi là liền kề); Nhà ở xây theo kiểu chia lô, liền kề theo dãy, nhà chung cư từ thấp tầng, nhiều tầng (từ 3,5 - 7 tầng) đến các chung cư cao tầng (từ 7, 9, 11, 13, 15, 30, 40 tầng...) với các

căn hộ từ 50 - 180m²,... Các vấn đề kỹ thuật của nhà cao tầng đã được nghiên cứu theo hướng xây dựng nhà ở cao tầng bằng phương pháp công nghiệp hóa.

Sự kết hợp giữa các thể loại chung cư cao tầng, thấp tầng có không gian biến đổi (khi lớn, khi nhỏ, khi mở, khi đóng) với các loại Biệt thự, nhà chia lô, liền kề... với giao thông và sân vườn, ao hồ, cây xanh, hoàn thiện với hệ thống công trình phục vụ tiện ích đầy đủ, chắc chắn mang lại những môi trường ở thuận lợi, tốt đẹp, thẩm mỹ cho con người.

Viện đã cho xuất bản sách “Mẫu nhà dân tự xây” NXB Xây dựng 1998 - Đối tượng là phục vụ quần chúng nhân dân, giúp dân có những hiểu biết tối thiểu khi xây dựng ngôi nhà ở cho mình, thực hiện chủ trương “Nhà nước và Nhân dân cùng làm” trong xây dựng nhà ở trong các đô thị Việt Nam.

Thời kỳ 2003 - 2013

Nghiên cứu về di sản kiến trúc, Viện đã thực hiện một số các dự án nghiên cứu cụ thể như: Dự án “Điều tra, khảo sát và lập hồ sơ xác định giá trị nghệ thuật các di sản kiến trúc Việt Nam thời Nguyễn”, năm 2002 - 2003; Dự án “Điều tra, khảo sát để xuất tiêu chí đánh giá giá trị của các công trình kiến trúc cổ truyền”, năm 2002 - 2004; Đề tài “Nghiên cứu Bảo tồn Khu di tích Hoàng thành Thăng Long Hà Nội”, năm 2007-2008; Nghiên cứu quy hoạch bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị khu di tích Thành cổ Hà Nội, Thành Cổ Loa; Dự án “Thu thập, sưu tầm những tinh hoa của kiến trúc truyền thống Việt Nam, phục vụ cho sáng tác kế thừa kiến trúc dân tộc và nghiên cứu, quản lý ngành Xây dựng”.

Nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc nông thôn, Viện đã đóng góp qua các Dự án: “Điều tra khảo sát kiến trúc nhà ở truyền thống các dân tộc miền núi phía Bắc và Tây Nguyên - Đề xuất khai thác giá trị kiến trúc”, năm 2007-2008; Đề tài: “Định hướng và giải pháp bảo tồn kiến trúc các làng truyền thống vùng Đồng bằng Bắc bộ”, năm 2006 - 2007; Đề tài “Nghiên cứu đề xuất mô hình đô thị làng quê Quảng Nam”, năm 2008.

Ngoài ra, Viện cũng đã mở rộng đối tượng nghiên cứu giữa kiến trúc và sử dụng vật liệu xây dựng qua các đề tài: “Nghiên cứu quan hệ giữa kiến trúc và vật liệu xây dựng trong việc hình thành tính đa dạng của hình thức kiến trúc nhằm nâng cao chất lượng các công trình xây dựng hiện nay”, năm 2003; Đề tài “Nghiên cứu sử dụng vật liệu truyền thống trong xây dựng”, năm 2008-2009.

Về nghiên cứu kiến trúc hiện đại, Viện đã thực hiện các đề tài, nhiệm vụ: Chương trình sử dụng năng lượng và tài nguyên tiết kiệm



Nghiệm thu dự án Thiết kế Nhà ở Xã hội và Trung tâm dưỡng lão



Nghiệm thu cấp Bộ dự án điều tra, khảo sát tình trạng chung cư về kiến trúc và công năng



Nghiệm thu đề tài "Bảo tồn phát triển kiến trúc cảnh quan làng nghề truyền thống Thành phố Hà Nội (2017)

và hiệu quả trong lĩnh vực kiến trúc và quy hoạch xây dựng; Triển khai các dự án thí điểm ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu; Các đề tài về kiến trúc xanh, các dự án Nghị định thư với Nga, Trung Quốc, Mỹ... Xây dựng nhiệm vụ thiết kế Điều chỉnh định hướng phát triển kiến trúc, cảnh quan đô thị Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2050.

Ngoài ra, phục vụ cho công tác quản lý ngành, Viện cũng đã tham gia soạn thảo và đóng góp ý kiến cho các Thông tư, Nghị định liên quan đến nhà ở xã hội, nhà ở cho người thu nhập thấp, nhà ở sinh viên...

Giai đoạn 2008 -2013, Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia sáp nhập với Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn thành Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị và Nông thôn. Giai đoạn này, Viện cũng vẫn song hành thực hiện nghiên cứu lĩnh vực kiến trúc trên 2 mảng truyền thống và hiện đại. Viện tiếp tục đẩy mạnh mảng nghiên cứu và xây dựng hệ thống tư liệu về lịch sử kiến trúc; Cập nhật điều tra, khảo sát các công trình kiến trúc cổ truyền, nhà ở truyền thống các dân tộc; Đề xuất giải pháp bảo tồn kiến trúc làng truyền thống...

Thời kỳ 2014 - 2019:

Giai đoạn 2014 - 2019, Viện Kiến trúc Quốc gia được tái thành lập lại. Đứng trước những thực tiễn nảy sinh trong đời sống kiến trúc từ thành thị tới nông thôn, dưới sự chỉ đạo của Bộ Xây dựng, thời kỳ 2014 - 2019 là thời kỳ Viện đẩy mạnh liên kết hợp tác với các địa phương trên cả 2 lĩnh vực nghiên cứu khoa học và nghiên cứu ứng dụng. Đồng thời Viện tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ về nghiên cứu, điều tra, khảo sát lĩnh vực kiến trúc trên các loại hình Kiến trúc di sản, Kiến trúc mới đô thị và nông thôn, Kiến trúc Xanh, Kiến trúc với biến đổi khí hậu...

Viện đã cùng với lãnh đạo Bộ làm việc với nhiều tỉnh, thành phố đã ký kết nhiều hợp tác giúp các địa phương tiếp cận và ứng dụng những thành tựu nghiên cứu, giải pháp công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch vào công tác quản lý, phát triển kiến trúc, quy hoạch xây dựng phù hợp chiến lược phát triển kinh tế, chính trị, xã hội. Trong 5 năm, Viện đã thực hiện các đề tài, dự án sau:

Năm 2014: Viện đã ký Thỏa thuận hợp tác với UBND quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, đề xuất thực hiện 06 dự án: Giải pháp, bảo tồn phát huy hiệu quả giá trị không gian kiến trúc cảnh quan truyền thống khu Phố cổ, khu vực hồ Hoàn Kiếm; Điều tra, khảo sát, đánh giá giá trị, lập hồ sơ quản lý quỹ biệt thự thuộc sở hữu tư nhân; Lập Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc các tuyến phố; Chinh trang đô thị 06

phố đi bộ thuộc quận Hoàn Kiếm...

Giai đoạn 2015 - 2019, Viện đã tập trung thực hiện các nghiên cứu thông qua các dự án, đề tài trên các loại hình kiến trúc sau:

Nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc tôn giáo, tín ngưỡng, Viện đã thực hiện các dự án, đề tài sau: Điều tra, khảo sát, lập hồ sơ khoa học các công trình tôn giáo, tín ngưỡng vùng Nam Bộ - Giải pháp bảo tồn và khai thác trong xu hướng hiện nay"; "Điều tra khảo sát đánh giá giá trị kiến trúc loại hình nhà thờ công giáo Bắc bộ Việt Nam"; "Điều tra khảo sát đánh giá, giá trị kiến trúc nhà thờ công giáo Nam Bộ, Trung Bộ"; " Điều tra khảo sát công trình tôn giáo, tín ngưỡng xây mới"; "Hình thức kiến trúc trong công trình tôn giáo tín ngưỡng xây mới"(2015 - 2016); "Hướng dẫn kế thừa giá trị kiến trúc truyền thống trong sáng tác công trình mới" (2015 - 2016);

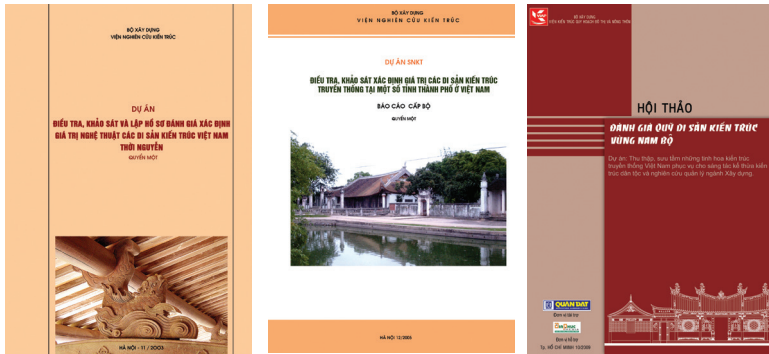
Ngoài ra, Viện cũng đã hoàn thiện hồ sơ để bàn giao cho trường Đại học Kiến trúc TPHCM Dự án "Điều tra, khảo sát, lập các mô hình, mẫu hiện vật tiêu biểu về lịch sử kiến trúc, quy hoạch của Việt Nam và thiết kế không gian trưng bày, triển lãm";

Nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc nhà ở nông thôn, Viện đã thực hiện các đề tài, dự án sau: "Nghiên cứu thiết kế nhà ở nông thôn" (2016 - 2017); "Nghiên cứu thiết kế chợ nông thôn" (2016 - 2017); "Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị, nông thôn phù hợp các vùng miền toàn quốc" (2016 - 2018); "Xây dựng mô hình quy hoạch - kiến trúc làng xã nông thôn mới cho vùng đồng bằng sông Hồng & Trung du, miền núi phía Bắc".

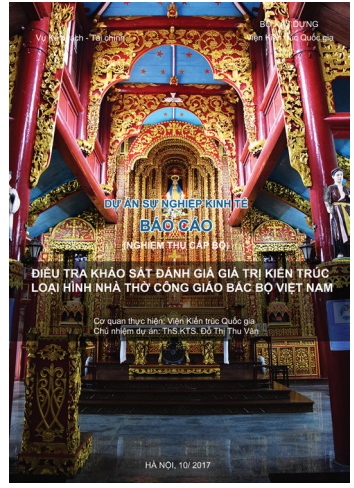
Về Kiến trúc ứng phó với biến đổi khí hậu, Viện đã nghiên cứu và đưa ra các đề xuất thông qua các dự án, đề tài: "Nghiên cứu thiết kế mẫu nhà ở đô thị, nông thôn phù hợp các vùng miền toàn quốc" (2017 - 2018); "Nghiên cứu kiến trúc nhà ở nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam" (Nghị định thư với Trung Quốc); "Nghiên cứu mô hình nhà ở nông thôn phòng tránh ảnh hưởng của nguy cơ sạt lở tại khu vực ven biển và ven sông vùng Đông và Tây Nam bộ" (2018 - 2019);

Riêng đối với Hà Nội, Viện đã thực hiện các nghiên cứu về: "Nghiên cứu đề xuất các giải pháp quản lý không gian KTCQ làng truyền thống phù hợp với quy hoạch phát triển thủ đô Hà Nội đến 2030"; "Bảo tồn & phát huy giá trị kiến trúc cảnh quan làng nghề truyền thống Hà Nội - phục vụ phát triển du lịch";

Nghiên cứu về lĩnh vực kiến trúc mới, Nghiên cứu về phát triển Nhà cao tầng, Viện đã thực hiện 01 Nhiệm vụ khoa học công nghệ trọng điểm cấp Bộ "Xác định các chỉ tiêu và tiêu chí quy hoạch kiến trúc kiểm soát xây dựng phát triển đối với công trình cao tầng trong



Một số sản phẩm NCKH về kiến trúc truyền thống những năm 2003-2009



Một số sản phẩm nghiên cứu khoa học về kiến trúc những năm gần đây

khu vực nội đô lịch sử”(2017-2018). Ngoài ra, Viện cũng đã thực hiện các đề tài “Nghiên cứu công trình nhà cao tầng trong nội đô”;

Viện cũng đã nghiên cứu các dự án, đề tài: “Nghiên cứu các cơ sở khoa học và thực tiễn đề xuất các quy định kỹ thuật và quản lý các loại hình Officetel, Condotel, Shophouse, Resort trong các công trình hỗn hợp và riêng lẻ” (2018 - 2019).

Trước tình trạng biến đổi khí hậu đang diễn ra nhanh, mạnh, phức tạp; Viện đã nghiên cứu qua các đề tài: “Nghiên cứu giải pháp thiết kế, xây dựng nhà ở và công trình công cộng đô thị tại các vùng có nguy cơ sạt lở (khu vực miền núi phía Bắc)” ; “Nghiên cứu giải pháp thiết kế, xây dựng hạn chế thiệt hại, đảm bảo an toàn cho nhà ở và công trình công cộng đô thị trước nguy cơ sạt lở” (2017 - 2018); “Nghiên cứu giải pháp thiết kế, xây dựng nhà ở và công trình công cộng đô thị tại các vùng có nguy cơ sạt lở (khu vực miền núi phía Bắc)”.

Đối với các loại hình kiến trúc khác, Viện đã nghiên cứu: “Thiết kế đô thị mẫu lô phố phường Tân Lập - Lộc Thọ, TP Nha Trang”; “Trụ sở làm việc Tòa án nhân dân cấp huyện và Tòa án nhân dân cấp tỉnh” (2017 - 2018); “Nghiên cứu hệ thống công trình các bậc học giáo dục phổ thông và trường mầm non phù hợp với các quy định của pháp luật và nhu cầu phát triển xã hội” (2016 - 2017).

Viện cũng đã nghiên cứu, đề xuất giải pháp cho công tác quản lý kiến trúc tại các đô thị Việt Nam qua đề tài: “Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý phát triển kiến trúc tại các đô thị Việt Nam” (2017 - 2018).

Nghiên cứu về Phát triển công trình xanh tại Việt Nam, Viện đã thực hiện các đề tài: “Nghiên cứu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam” (2018 - 2019) ; “Nghiên cứu xây dựng bộ tiêu chí, hướng dẫn đánh giá, công nhận dự án khu đô thị xanh” (2017 - 2018); “Nghiên cứu kết hợp giữa kiến trúc và cây xanh trong xử lý không gian cảnh quan - Đề xuất sửa đổi các quy định về quản lý có liên quan đến cây xanh đô thị” (2018 - 2019); “Nghiên cứu khung chính sách thúc đẩy và biên soạn tài liệu hướng dẫn phát triển công trình xanh ở Việt Nam”(2018).

Như vậy, trong 5 năm qua, Viện KTQG đã thực hiện hơn 30 đề tài, dự án NCKH về lĩnh vực kiến trúc. Hầu hết các đề tài, dự án đã được nghiệm thu cấp Bộ; Đóng góp tích cực vào công tác nghiên cứu khoa học và quản lý về lĩnh vực kiến trúc của Ngành Xây dựng; Đồng thời làm dày lên bộ dữ liệu giúp ích cho công tác nghiên cứu và phát triển Kiến trúc Việt Nam trong giai đoạn mới.

KẾT LUẬN

Ngày nay, sau hơn 20 năm đất nước bước vào thời kỳ phát triển mạnh mẽ theo hướng kinh tế thị trường đã làm thay đổi cơ bản về diện mạo kiến trúc từ thành thị đến nông thôn. Tuy nhiên, hiện tại lĩnh vực kiến trúc cũng đang đứng trước những vấn đề lớn như: Mâu thuẫn giữa phát triển với bảo tồn di sản văn hóa, kiến trúc; Mâu thuẫn giữa việc phát triển ở ạt những phong cách, xu hướng kiến trúc quốc tế với việc phát triển nền kiến trúc Việt Nam hiện đại có bản sắc... Bên cạnh đó còn có những yêu cầu thực tiễn cần phát triển một nền công nghiệp về thiết kế xây dựng; Thiết kế kiến trúc đáp ứng trước biến đổi khí hậu, nước biển dâng...

Trước thực tiễn trên, đòi hỏi vai trò của công tác nghiên cứu, định hướng phát triển kiến trúc luôn được đặt ra trong mỗi giai đoạn. Đây là trọng trách, sứ mệnh to lớn được đặt ra đối với ngành Xây dựng cũng như trong công tác nghiên cứu khoa học và ứng dụng của chuyên ngành kiến trúc.

Sự tham gia tích cực của Viện Kiến trúc Quốc gia vào các chương trình, nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu khoa học cũng như các đồ án, thiết kế về lĩnh vực Kiến trúc trong suốt 40 năm qua, đặc biệt là từ những năm 1996 đến nay đã ngày một làm dày thêm bộ dữ liệu về Kiến trúc, là đầu mối để có thể thực hiện nhiệm vụ hệ thống hóa dữ liệu về kiến trúc tại Việt Nam hiện nay. Đồng thời giúp cho các địa phương có được những tư vấn, thống kê, đánh giá hiện trạng, lưu trữ dữ liệu về lĩnh vực Kiến trúc cũng như công tác cải tạo bảo tồn và phát triển các công trình kiến trúc cổ, cũ, có giá trị. Bên cạnh đó là việc dẫn bồi đắp, xây dựng đội ngũ cán bộ, các chuyên gia NCKH về lĩnh vực kiến trúc.

Giai đoạn tới đây, trước đòi hỏi thực tiễn, công tác nghiên cứu khoa học cũng như nghiên cứu ứng dụng thực tiễn về lĩnh vực kiến trúc cần có mối liên kết chặt chẽ với nhau để có thể ứng dụng NCKH vào thực tiễn. Mặt khác, NCKH về lĩnh vực kiến trúc cũng đứng trước yêu cầu về đổi mới, tiến tới số hóa bộ dữ liệu nghiên cứu cũng như bắt kịp những nghiên cứu về xu hướng, hiện tượng kiến trúc mới tại Việt Nam để kịp thời phục vụ cho công tác NCKH và quản lý Ngành.

Viện Kiến trúc Quốc gia là Viện nghiên cứu đầu ngành Xây dựng về lĩnh vực kiến trúc. Để làm tốt công tác NCKH chuyên ngành Kiến trúc rất cần sự phối hợp chặt chẽ giữa Viện với Ngành, với các chủ trương chính sách của Ngành, cũng như việc chủ động có một lộ trình, chiến lược nghiên cứu khoa học và ứng dụng về kiến trúc là cần thiết.

VIAR VỚI 40 NĂM CÔNG TÁC TIÊU CHUẨN HÓA NGÀNH XÂY DỰNG VIAR WITH 40 YEARS OF CONSTRUCTION STANDARDIZATION

VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ

Công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng (TCHXD) luôn gắn liền với quá trình phát triển của ngành Xây dựng trong hơn 40 năm qua, vừa có ý nghĩa trong hiện tại và mang ý nghĩa định hướng phát triển cho tương lai. Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đã góp phần đáp ứng những yêu cầu cơ bản cho công tác thiết kế, thi công, nghiệm thu và quản lý chất lượng các công trình xây dựng qua các giai đoạn phát triển của đất nước, thúc đẩy tiến bộ khoa học kỹ thuật, nâng cao hiệu quả sản xuất và nâng cao năng suất lao động xã hội.

Đặc biệt, trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, quy chuẩn, tiêu chuẩn đã trở thành thước đo giá trị của các sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ và là cơ sở kỹ thuật để thảo luận, giải quyết các tranh chấp không chỉ trong nước mà cả trong phạm vi quốc tế.

Việc áp dụng quy chuẩn, tiêu chuẩn sẽ tạo ra những tác động tích cực vào các yêu cầu kỹ thuật đối với đối tượng tiêu chuẩn hóa (nhà và

công trình, vật liệu xây dựng, công nghệ...), từ đó làm cho đối tượng tiêu chuẩn hóa đó trở nên dễ được chấp nhận và dễ tiếp cận thị trường hơn.

Hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn còn góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm, công trình, làm cơ sở để quản lý các hoạt động xây dựng, sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên, tiết kiệm nguyên vật liệu, giảm chi phí và lao động xã hội, đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe cho con người và phát triển hợp tác quốc tế về kinh tế, khoa học kỹ thuật, đẩy mạnh xuất khẩu, làm căn cứ để hướng dẫn nhập khẩu.

Nói như vậy để thấy rằng trong 40 năm qua, công tác TCHXD đã có những đóng góp nhất định trong sự nghiệp phát triển của ngành Xây dựng Việt Nam. Công tác tiêu chuẩn hóa luôn đóng một vai trò quan trọng và là một trong những nội dung được đề cập trong chiến lược phát triển của ngành qua mỗi thời kỳ với những yêu cầu và mức độ khác nhau.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Công tác TCHXD ở Việt Nam được bắt đầu từ những năm 60. Trong giai đoạn này công tác nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn còn mang tính đơn lẻ, chỉ đáp ứng cho từng yêu cầu cụ thể.

Có thể điểm qua các mốc thời gian và kết quả hoạt động của công tác này như sau:

Giai đoạn 1960 - 1962: Các văn bản tiêu chuẩn xây dựng do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước ký ban hành với ký hiệu TCXD, QPXD,

TC và QP. Các tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn SNI của Liên Xô thời kỳ 1960-1962.

Từ năm 1963 - 1973: Công tác TCHXD do Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước quản lý. Trong thời gian này việc nghiên cứu biên soạn tiêu chuẩn chỉ nhằm đáp ứng cho một công việc cụ thể, chưa hình thành bộ tiêu chuẩn.

Từ năm 1973 - 1979: Các văn bản tiêu chuẩn xây dựng lại do Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước ký ban hành. Trong thời gian này ngoài các ký hiệu TCXD, QPXD, các tiêu chuẩn xây dựng còn có ký hiệu TCVN và QPVN.

Cấu trúc bộ tiêu chuẩn xây dựng trong thời kỳ này cũng đã bước đầu hình thành, bao gồm 4 phần chính: Những vấn đề chung trong xây dựng; Thiết kế quy hoạch đô thị và nông thôn; Thiết kế nhà và công trình; Thi công và nghiệm thu.

Các đối tượng tiêu chuẩn hóa và các tiêu chuẩn được biên soạn của ta trong giai đoạn này chủ yếu dựa vào bộ tiêu chuẩn của Liên Xô (trước đây).

Giai đoạn 1979 - 1988: Viện Tiêu chuẩn hóa và Điển hình hóa xây dựng

Công tác TCHXD do UBXD CBNN quản lý. Chủ nhiệm UBXD CBNN ký Quyết định ban hành các tiêu chuẩn xây dựng (trừ phần vật liệu xây dựng). Số lượng tiêu chuẩn được ban hành trong thời kỳ này tăng lên rõ rệt so với các năm trước, thống nhất sử dụng ký hiệu là TCVN (tiêu chuẩn quốc gia) và 20 TCN (tiêu chuẩn ngành). Cũng trong thời gian này việc nghiên cứu cấu trúc bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam được chính thức đặt ra. Các tiêu chuẩn được xây dựng dựa trên các tiêu chuẩn SNI của Liên Xô thời kỳ 1983.

Đây cũng là thời kỳ mà hoạt động TCHXD được biên chế thành một Viện nghiên cứu mang tên: Viện Tiêu chuẩn hóa xây dựng trực thuộc UBXD CBNN được thành lập vào tháng 7/1979. Để định hướng phát triển cho công tác này, Viện đã giao cho Phòng Tiêu chuẩn hóa xây dựng và Phòng Điển hình hóa xây dựng chủ trì thực hiện đề tài cấp Nhà nước, mang mã số 28B-03-03 "Phương pháp luận của công tác tiêu chuẩn hóa và thiết kế điển hình trong

xây dựng" thuộc chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước 28B, nghiên cứu trong giai đoạn từ năm 1986 - 1990. Trong giai đoạn này, thể chế về TCHXD chưa đầy đủ, vì vậy các kết quả nghiên cứu của đề tài thực sự là những cơ sở hết sức quan trọng.

Nội dung nghiên cứu của đề tài về lĩnh vực tiêu chuẩn hóa gồm: Đối tượng TCHXD; Phương pháp luận về cơ sở để phân cấp tiêu chuẩn xây dựng; Bộ Tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng; Quy trình biên soạn tiêu chuẩn

Đối tượng tiêu chuẩn hóa trong lĩnh vực xây dựng được nghiên cứu trong đề tài này bao gồm: (i) Những vấn đề chung (Thuật ngữ, Ký hiệu, Số liệu, kích thước dùng trong thiết kế xây dựng, Thông tin); (ii) Tiêu chuẩn thiết kế (Quy hoạch; Khảo sát; Những vấn đề chung; Kết cấu xây dựng; Thiết kế công trình dân dụng, công nghiệp; Hệ thống kỹ thuật công trình; Hạ tầng kỹ thuật đô thị); (iii) Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu; (iv) Vật liệu xây dựng, sản phẩm cơ khí xây dựng; (v) Bảo vệ công trình, an toàn, vệ sinh môi trường.

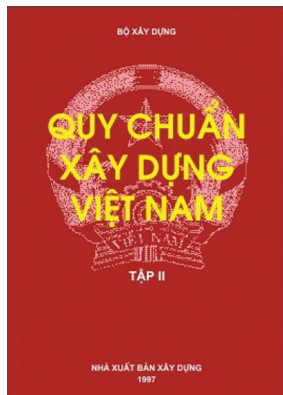
Cũng theo đề tài này, việc phân định cấp tiêu chuẩn xây dựng cũng được xác định. Theo đó trong hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam có 3 cấp: Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN); Tiêu chuẩn ngành (TCN); Tiêu chuẩn xí nghiệp (TC)

Theo cách phân định trên, loại hình tiêu chuẩn ngành (TCN) qua từng thời kỳ có lúc được ban hành với số hiệu tiêu chuẩn là TCXD, TCXDVN, 20 TCN. Trong thời kỳ này Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý Nhà nước có chức năng tổ chức biên soạn và ký ban hành các tiêu chuẩn về lĩnh vực Xây dựng (trừ vật liệu xây dựng).

Về cấu trúc Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam, cũng được hình thành trong từng giai đoạn và phát triển qua các mốc thời gian như sau:

Năm 1982: Gồm 5 phần sau: (1) Những vấn đề chung trong xây dựng; (2) Vật liệu xây dựng; (3) Quy hoạch và thiết kế; (4) Thi công và nghiệm thu; (5) Định mức xây dựng cơ bản.

Năm 1984: Theo danh mục các văn bản pháp chế về quản lý, kinh tế, kỹ thuật trong xây dựng do UBXD CBNN



Bộ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam lần đầu tiên được ban hành: Tập I (1996); Tập II và Tập III (1997)



Năm 2000 ban hành QCVN 14: 2000/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia quy hoạch xây dựng nông thôn



Năm 2012: Phát hành Sổ tay hướng dẫn về Tiêu chuẩn - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn mới.

ban hành thì cấu trúc Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam lại gồm 6 phần: (1) Tổ chức, quản lý, kinh tế; (2) Kỹ thuật chung và phương pháp luận tiêu chuẩn hoá trong xây dựng; (3) Thiết kế - quy hoạch; (4) Tổ chức thi công và nghiệm thu; (5) Định mức dự toán; (6) Định mức lao động

Năm 1988: Theo kết quả nghiên cứu của đề tài 28B-03-03 thuộc chương trình nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước "Nghiên cứu phương pháp luận của công tác tiêu chuẩn

hoá và thiết kế điển hình trong xây dựng"- thì cấu trúc Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam gồm 8 phần: (1) Tổ chức, quản lý kinh tế; (2) Các vấn đề khoa học kỹ thuật chung trong xây dựng; (3) Thiết kế; (4) Tổ chức thi công, nghiệm thu công trình; (5) Định mức dự toán; (6) Định mức vật tư, lao động; (7) Khai thác, vận hành, duy tu, bảo dưỡng công trình; (8) Sản phẩm công nghiệp xây dựng và vật liệu xây dựng.

Kết quả nghiên cứu của đề tài này về đối tượng tiêu chuẩn hóa xây dựng chính là cơ sở khoa học để xây dựng, bổ sung và hoàn chỉnh hệ thống tiêu chuẩn trong lĩnh vực xây dựng sau này. Một nội dung khá quan trọng được nghiên cứu trong đề tài này đó là xác định được quy trình biên soạn tiêu chuẩn xây dựng. Lần đầu tiên trong quy trình biên soạn tiêu chuẩn xây dựng, nội dung công việc và trách nhiệm của các bên có liên quan được quy định rõ. Đây cũng là tiền đề để Nhà nước và Bộ Xây dựng ban hành Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật và các Nghị định có liên quan đến hoạt động Tiêu chuẩn hóa nói chung và Tiêu chuẩn hóa xây dựng nói riêng.

Giai đoạn 1988 - 1996: Viện Tiêu chuẩn hóa Xây dựng

Công tác tiêu chuẩn hoá xây dựng do Bộ Xây dựng quản lý. Bộ trưởng Bộ Xây dựng ký Quyết định ban hành các văn bản tiêu chuẩn (trừ phần vật liệu xây dựng). Các tiêu chuẩn trong giai đoạn này có ký hiệu là TCVN và 20 TCN. Năm 1996, để thống nhất quản lý trong toàn ngành Xây dựng, Bộ Xây dựng đã có Quyết định số 479/BXD- KHCN ngày 31/8/1996 về việc ban hành thêm một loại hình tiêu chuẩn kỹ thuật xây dựng mang ký hiệu TCXD. Thời kỳ này số lượng tiêu chuẩn được biên soạn (soát xét) hàng năm được nâng lên một cách rõ rệt. Nội dung tiêu chuẩn đã có sự hội nhập với tiêu chuẩn của các nước, nhất là các tiêu chuẩn thuộc những vấn đề chung trong xây dựng.

Trong thời kỳ này cơ cấu bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam lại có những bước thay đổi như sau:

Năm 1990: Theo danh mục tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng do Viện Tiêu chuẩn hoá Xây dựng ban hành, cấu trúc bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam gồm 6 phần: (1) Những vấn đề chung; (2) Khảo sát xây dựng; (3) Quy hoạch đô thị và nông thôn; (4) Thiết kế nhà và công trình; (5) Thi công, nghiệm thu công trình; (6) Kỹ thuật sử dụng, bảo quản nhà và công trình.

Năm 1992: Danh mục tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng do Viện Tiêu chuẩn hoá Xây dựng ban hành năm 1992 được bổ sung thêm phần 7- Vật liệu xây dựng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, năm

1992, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện chủ trì thực hiện đề tài “Nghiên cứu đề xuất đổi mới có hiệu quả tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng”. Đề tài nhằm đưa ra các nhận định, đánh giá về hiện trạng của hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam để từ đó đề xuất những thay đổi nhằm hoàn chỉnh, đổi mới bộ tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội, trình độ KHCN của Việt Nam, tiệm cận với tiêu chuẩn trong khu vực và quốc tế.

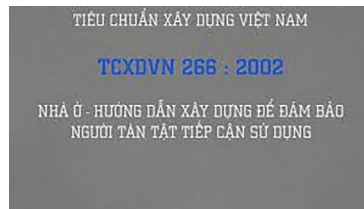
Năm 1993: Theo danh mục tiêu chuẩn Việt Nam do Tổng cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng Nhà nước ban hành, các đối tượng tiêu chuẩn hoá được sắp xếp theo khung phân loại tiêu chuẩn quốc tế (ICS). Các tiêu chuẩn xây dựng mang mã số: 91. Vật liệu xây dựng và nhà; 93. Xây dựng dân dụng

Cũng trong năm này, để có cơ sở đổi mới Bộ Tiêu chuẩn Việt Nam về Xây dựng, Bộ Xây dựng lại giao cho Viện thực hiện đề tài “Tổng quan hệ thống tiêu chuẩn Trung Quốc về xây dựng”. Mục tiêu của đề tài là nhằm khai thác, vận dụng Bộ tiêu chuẩn Trung Quốc vào để biên soạn hệ thống tiêu chuẩn Việt Nam do Trung Quốc có nhiều điểm tương đồng về điều kiện tự nhiên, xã hội và có cơ cấu Bộ tiêu chuẩn phù hợp với các hoạt động xây dựng.

Giai đoạn 1996 - 2008: Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa xây dựng

Công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng phát triển lên một tầm cao mới. Trong giai đoạn này, công tác tiêu chuẩn hóa đã được luật hóa và được điều tiết mọi hoạt động thông qua Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật ban hành năm 2006. Công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng cũng có nhiều thay đổi. Tiêu chuẩn lúc này chỉ là văn bản kỹ thuật, mang tính tự nguyện áp dụng. Còn quy chuẩn là văn bản pháp quy kỹ thuật, bắt buộc áp dụng trong mọi động xây dựng trên lãnh thổ Việt Nam.

Trong lĩnh vực xây dựng, Bộ Xây dựng có trách nhiệm tổ chức xây dựng dự thảo tiêu chuẩn quốc gia và đề nghị thẩm định, công bố tiêu chuẩn quốc gia. Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định và công bố tiêu chuẩn quốc gia. Về quy chuẩn xây dựng, Bộ trưởng Bộ Xây



Sản phẩm công tác Tiêu chuẩn, Quy chuẩn



QCVN 10: 2014/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng được ban hành để thay thế cho QCVN 01: 2002.



dựng tổ chức xây dựng và ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

Theo Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống tiêu chuẩn và ký hiệu tiêu chuẩn của Việt Nam bao gồm: (1) Tiêu chuẩn quốc gia, ký hiệu là TCVN; (2) Tiêu chuẩn cơ sở, ký hiệu là TCCS.

Hệ thống quy chuẩn kỹ thuật và ký hiệu quy chuẩn kỹ thuật của Việt Nam bao gồm: (1) Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, ký hiệu là QCVN; (2) Quy chuẩn kỹ thuật địa phương, ký hiệu là QCDP.

Năm 1994: Trong khuôn khổ của Dự án biên soạn Luật Xây dựng của Việt Nam, được sự tài trợ Chính phủ Úc và sự giúp đỡ của chuyên gia tư vấn, Bộ Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam lần đầu tiên được ban hành: Tập I (năm 1996); Tập II và Tập III (1997) theo Quyết định số 682/BXD - CSXD ngày 14/12/1996 và Quyết định số 439/BXD - CSXD ngày 25/9/1997.

Đây là bộ quy chuẩn lần đầu tiên được áp dụng lĩnh vực xây dựng. Những nội dung trong Bộ Quy chuẩn này đã làm tốt vai trò của một văn bản pháp quy kỹ thuật, điều tiết các hoạt động xây dựng trong nền kinh tế thị trường.

Năm 1997: Bộ Xây dựng ban hành tuyển tập Tiêu chuẩn Xây dựng Việt Nam gồm 11 tập với hơn 523 tiêu chuẩn và được sắp xếp theo các nội dung sau: (1) Những vấn đề chung; (2) Thiết kế; (3) Quản lý chất lượng, thi công và nghiệm thu; (4) Vật liệu xây dựng; (5) Bảo vệ công trình, an toàn và vệ sinh môi trường.

Năm 2000: Là thành viên chính thức của ASEAN từ năm 1995, Việt Nam phải thực hiện những cam kết của mình trong khuôn khổ của chương trình Khu vực mậu dịch tự do (AFTA - Free Trade area), trong đó có chương trình hài hòa tiêu chuẩn. Chính vì vậy, để phục vụ cho việc hội nhập khu vực và quốc tế về lĩnh vực tiêu chuẩn, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện thực hiện dự án “Nghiên cứu biên soạn áp dụng các tiêu chuẩn xây dựng của các nước ASEAN phục vụ định hướng phát triển công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng, hội nhập với các nước trong khu vực và quốc tế”. Mục tiêu của dự án này là đề xuất hướng phát triển công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng ở Việt Nam nhằm hội nhập với các nước trong khu vực về việc phân định tính pháp lý của tiêu chuẩn, đồng thời đổi mới quy trình biên soạn tiêu chuẩn nhằm tạo sự đồng thuận của các bên có liên quan.

Cũng trong năm này, Viện tiếp tục thực hiện đề tài “Trao đổi kinh nghiệm đổi mới hệ thống tiêu chuẩn trong xây dựng”. Đây là đề tài nằm trong khuôn khổ thực hiện chương trình hợp tác Nghị định thư Việt Nam- Bungari. Mục tiêu của đề tài là tìm hiểu cơ cấu, danh mục Bộ tiêu chuẩn xây dựng Bungari và lộ trình khai thác, hội nhập tiêu chuẩn quốc tế, tiêu chuẩn của các nước phương Tây và các nước trong cộng đồng chung châu Âu (EU) của Bungari. Đồng thời, tìm hiểu định hướng phát triển công tác tiêu chuẩn hoá xây dựng của Bungari trong thời gian tới, vì Bungari cũng là quốc gia trước đây dựa hoàn toàn vào bộ tiêu chuẩn của Liên Xô (cũ). Kết quả nghiên cứu và những bài học kinh nghiệm rút ra từ hai đề tài trên đã được vận dụng trong việc thực hiện đề tài: “Quy hoạch Bộ tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đến năm 2010”. Đề tài cũng được thực hiện trong năm 2000.

Năm 2001: Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa Xây dựng được giao nhiệm vụ thực hiện đề tài nhánh “Nghiên cứu xây dựng đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn xây dựng lĩnh vực Kiến trúc, Quy hoạch đến năm 2010 theo hướng đổi mới, hội nhập” trong khuôn khổ đề tài cấp Nhà nước “Nghiên cứu xây dựng đồng bộ hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đến năm 2010 theo hướng đổi mới, hội nhập”. Mục tiêu của đề tài là xây dựng đề án quy hoạch Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam đến năm 2010 đạt yêu cầu hệ thống đồng bộ, đổi mới tiên tiến, đáp ứng hội nhập quốc tế và khu vực, đề xuất mô hình tổ chức xây dựng và quản lý hệ thống tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Căn cứ vào quy hoạch này, hàng năm Bộ Xây dựng sẽ xây dựng kế hoạch biên soạn tiêu chuẩn, với mong muốn sớm có được một bộ tiêu chuẩn đồng bộ, đổi mới, đáp ứng yêu cầu hội nhập. Trong giai đoạn này chúng ta có 638 tiêu chuẩn Việt Nam về xây dựng.

Năm 2002: Viện được giao thực hiện đề tài “Soát xét Bộ Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam về kiến trúc phục vụ chính sách đổi mới, hội nhập khu vực và quốc tế”. Đây là tính đặc thù trong công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực kiến trúc. Việc đề xuất cơ cấu, hệ thống cũng như nội dung tiêu chuẩn phải vừa đáp ứng được yêu cầu quản lý vừa không

làm hạn chế tính sáng tạo trong kiến trúc.

Năm 2003: Thời điểm này, dự án xây dựng nhà ở cao tầng được phát triển tại khắp các đô thị lớn ở Việt Nam. Tuy nhiên, chúng ta chưa có một tiêu chuẩn nào để làm cơ sở pháp lý để quản lý chất lượng xây dựng nhà cao tầng cũng như đưa ra những yêu cầu thiết kế đáp ứng nhu cầu của người sử dụng. Vì vậy Bộ Xây dựng đã giao cho Viện nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn thiết kế nhà ở cao tầng. Đến năm 2004, tiêu chuẩn này đã được bộ trưởng Bộ Xây dựng ký ban hành.


2006 - 2008: Là thành viên của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), với những cam kết của mình trong lộ trình tham gia vào WTO, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện chủ trì thực hiện 3 đề tài thuộc chương trình TBT Việt Nam, gồm:

- 1- Nghiên cứu, đề xuất hệ thống danh mục các tiêu chuẩn quốc tế (ISO,IEC) cần chuyển dịch hài hoà;
- 2- Rà soát hoàn thiện cơ sở dữ liệu về tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam;
- 3- Soát xét, xây dựng mới các tiêu chuẩn thuộc danh mục cần phải hài hoà với các nguyên tắc của WTO/TBT

Kết quả nghiên cứu của các đề tài này đã cập nhật các phương pháp luận mới về chấp nhận tiêu chuẩn quốc tế vào hệ thống tiêu chuẩn quốc gia; Xây dựng lộ trình thực hiện và chuyển đổi hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hài hoà và tiệm cận với hệ thống tiêu chuẩn quốc tế và khu vực; Đảm bảo các tiêu chuẩn, quy định kỹ thuật không gây ra các trở ngại thương mại quốc tế.

Chính vì vậy, từ những năm 90 trở lại đây, Viện cũng đã chấp nhận rất nhiều tiêu chuẩn quốc tế thành tiêu chuẩn quốc gia, nâng tỷ lệ hài hoà của hệ thống tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) với tiêu chuẩn quốc tế lên 35%-40%.

Đặc biệt trong năm này, Bộ Quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng các công trình xây dựng đảm bảo người khuyết tật được Phòng Tiêu chuẩn hóa nghiên cứu và được Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành (QCXDVN 01:2002; TCXDVN 264:2002; TCXDVN 265:2002; TCXDVN 266:2002). Có thể nói việc ban hành Bộ Quy chuẩn, Tiêu chuẩn này đã mở ra cơ hội cho người khuyết tật hòa nhập cộng đồng một cách thiết thực nhất.

TCVN 4205:1986	TCVN 4260:1986	TCVN 4451:1987	TCN 57:1988	TCVN 165:1988
TCVN 4601:1988	TCVN 4730:1989	TCVN 5587:1991	TCVN 5896:1995	TCVN 5897:1995
TCVN 6170-1:1996	TCVN 218:1998	TCVN 6524:1999	TCXDVN 285:2002	TCVN 7364-4:2004
TCXDVN 333:2005	TCN 334:2006	TCXDVN 389:2007	TCVN 7959:2008	TCVN 8809:2011
<p>Năm 1997: Bộ Xây dựng ban hành tuyển tập Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam gồm 11 tập với hơn 523 tiêu chuẩn từ khảo sát đến quy hoạch, thiết kế, thi công, nghiệm thu và vật liệu xây dựng</p>			TCVN 10324:2014	 TCVN & QCVN TIÊU CHUẨN VIỆT NAM

Giai đoạn 2008 - 2013: Viện Kiến trúc và Quy hoạch đô thị & nông thôn.

Trong giai đoạn này, mặc dù có sự thay đổi về tổ chức nhưng công tác tiêu chuẩn hóa xây dựng vẫn luôn được coi trọng. Để thực hiện lộ trình thực thi Luật Tiêu chuẩn, Quy chuẩn kỹ thuật, các TCXD, TCXDVN được biên soạn và chuyển đổi thành TCVN, Viện đã biên soạn và chuyển đổi được gần 30 tiêu chuẩn chỉ trong hai năm 2011- 2012.

Năm 2009: Để triển khai thực hiện nội dung Chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng Nông thôn mới, trong

19 tiêu chí có các tiêu chí về quy hoạch và xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội, Bộ Xây dựng đã giao cho Viện (cụ thể là Phòng Nghiên cứu tiêu chuẩn) biên soạn bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn quy hoạch xã Nông thôn mới. Chỉ trong thời gian ngắn đến tháng 9/2009, bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn này đã được ban hành: QCVN 14:2009/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng nông thôn và tiêu chuẩn quy hoạch nông thôn. Trong một thời gian dài bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn đã được rất nhiều địa phương trên cả nước áp dụng.

Năm 2012: Viện được Bộ Xây dựng giao chủ trì thực hiện hai đề tài: Nghiên cứu xây dựng “Quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch và các vấn đề về tiêu chuẩn hóa ngành Xây dựng đến năm 2030” và “Quy hoạch hệ thống các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật lĩnh vực nhà ở”. Mục tiêu quy hoạch Bộ quy chuẩn, tiêu chuẩn Việt Nam lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, hoạt động kinh doanh và yêu cầu đổi mới, hội nhập đến năm 2030. Đây cũng là cơ sở để xây dựng kế hoạch tiêu chuẩn, quy chuẩn hàng năm.

Năm 2013: Thực hiện Luật Quảng cáo 2012, Bộ Xây dựng có trách nhiệm: Ban hành quy chuẩn kỹ thuật về phương tiện quảng cáo ngoài trời trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày Luật này có hiệu lực. Phòng Nghiên cứu tiêu chuẩn hoá xây dựng được giao nhiệm vụ biên soạn QCVN 17:2013/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời ban hành kèm theo Thông tư 19/TT-BXD ngày 31/10/2013.

Giai đoạn 2014 đến nay: Viện Kiến trúc Quốc gia

Năm 2014, QCVN 10:2014/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật (NKT) tiếp cận sử dụng được ban hành để thay thế cho QCXDVN 01:2002.

Thực hiện mục tiêu “Hỗ trợ NKT phát huy khả năng của mình để đáp ứng nhu cầu bản thân, tạo điều kiện để NKT vươn lên tham gia bình đẳng vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần xây dựng cộng đồng và xã hội” theo Quyết định số 1019/QĐ-TTg ngày 05/8/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án trợ giúp NKT giai đoạn 2012 - 2020. Với hoạt động trợ giúp NKT tiếp cận và sử dụng các công trình xây dựng: (a) Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát thực hiện các quy định, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng để NKT tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng; (b) Xây dựng một số mô hình thí điểm về tiếp cận, sử dụng các công trình xây dựng để phổ biến nhân rộng; (c) Xây dựng giáo trình về thiết kế tiếp cận phục vụ công tác đào tạo, tập huấn cho kiến trúc sư, kỹ sư xây dựng và các đối tượng hành nghề trong hoạt động xây dựng.

Phòng Nghiên cứu tiêu chuẩn hoá xây dựng đã hoàn

thành soát xét, bổ sung QCVN 10:2014/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BXD ngày 29/12/2014.

Năm 2014, Viện thực hiện 17 đề tài chuyển tiếp và 03 đề tài mới; nghiệm thu và ban hành 01 tiêu chuẩn, 02 quy chuẩn; nghiệm thu cấp cơ sở 01 đề tài quy chuẩn;

Năm 2015, nghiệm thu Dự án sự nghiệp kinh tế rà soát, điều chỉnh, bổ sung quy chuẩn Việt Nam, các tiêu chuẩn về quy hoạch nhằm ứng phó với biến đổi khí hậu làm cơ sở để soát xét các QCVN - TCVN về Quy hoạch xây dựng những năm tiếp theo.

Cũng trong năm 2015, Viện đã triển khai thực hiện 14 đề tài, trong đó:

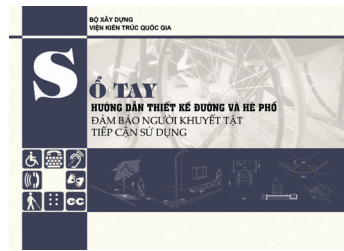
- 03 đề tài chuyển tiếp từ năm 2014 sang năm 2015 [gồm: QCVN 11 - Hệ thống cấp thoát nước trong nhà và công trình; Hiệu quả năng lượng của tòa nhà, thể hiện kết quả tính toán năng lượng sử dụng trong công trình (ISO 12655); Hiệu quả năng lượng của tòa nhà, thuật ngữ và định nghĩa (ISO 16344)].

- 11 đề tài thực hiện mới (gồm tiêu chuẩn, quy chuẩn cho: Nhà ở công nhân khu công nghiệp; Ký túc xá sinh viên; Nhà ở công vụ; Nhà ở nông thôn; Trường đại học; Khách sạn; Nhà ăn tập thể; Nhà công sở, cơ quan hành chính nhà nước; Thư viện; Quốc môn và nhà kiểm soát liên hợp).

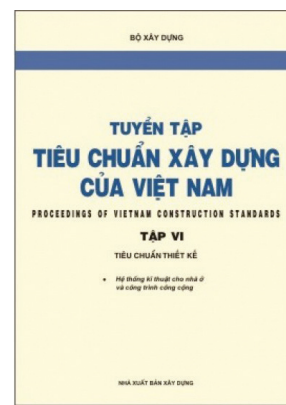
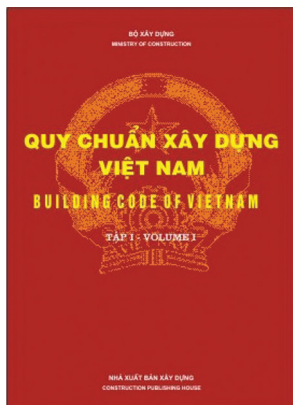
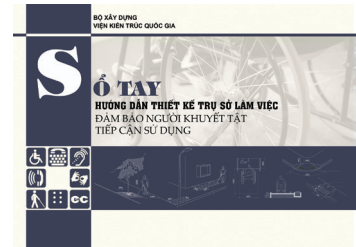
Năm 2016-2017, Phòng Nghiên cứu tiêu chuẩn hoá xây dựng đã hoàn thành soát xét xây dựng bộ tiêu chuẩn quốc gia “Xây dựng công trình đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng” đáp ứng QCVN 10:2014/BXD trên cơ sở TCXDVN 264, TCXDVN 265 và TCXDVN 266; Xây dựng tài liệu kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCVN 10:2014/BXD; Xây dựng các sổ tay hướng dẫn thiết kế các loại công trình xây dựng đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng; Hỗ trợ kỹ thuật về thiết kế cải tạo 02 công trình (Nhà văn hoá phường Quan Hoa và trường phổ thông chuyên biệt Bình Minh).

Năm 2016, Viện cũng triển khai thực hiện 19 đề tài, trong đó:

- 12 đề tài chuyển tiếp từ 2015, là tiêu chuẩn, quy chuẩn cho: Nhà ở công nhân khu công nghiệp; Ký túc xá sinh viên;



Ban hành sổ tay hướng dẫn thiết kế các loại công trình, khách sạn đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng.



Ban hành các bộ truyền tập Tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam

Nhà ở công vụ; Nhà ở nông thôn; Trường đại học; Khách sạn; Nhà ăn tập thể; Nhà công sở, cơ quan hành chính nhà nước; Thư viện; Quốc môn và nhà kiểm soát liên hợp; biên soạn quy chuẩn minh họa QCVN, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng; QC:04-2:2016/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà ở và công trình công cộng - Phần 2: Công trình công cộng.

- 07 đề tài thực hiện mới, gồm: Bộ tiêu chuẩn xây dựng công trình nhà ở, công trình công cộng, đường và hè phố đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng; Xây dựng tài liệu kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCVN 10:2014/BXD; Xây dựng các sổ tay hướng dẫn thiết kế các loại công trình xây dựng; khách sạn đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng; Hỗ trợ kỹ thuật thiết kế cải tạo các công trình cấp xã (phường), cấp huyện (quận) đảm bảo người khuyết tật tiếp cận (giai đoạn 1); TCVN: 2016, Bản vẽ kỹ thuật - Nguyên tắc chung trình bày - nét vẽ trong xây dựng; TCVN 3824:2016, Bản vẽ kỹ thuật - Bảng kê; TCVN: 2016, Hệ thống tài

Riêng năm 2017, Viện triển khai thực hiện và hoàn thiện 10 đề tài, trong đó:

- Nghiệm thu cấp Bộ 02 Quy chuẩn: QCVN 17:2013/BXD, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời.

- Trình Bộ nghiệm thu 03 Bộ tiêu chuẩn xây dựng: công trình nhà ở, công trình công cộng, đường và hè phố đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng; Xây dựng tài liệu kiểm tra, giám sát việc thực hiện QCVN 10:2014/BXD; Xây dựng các sổ tay hướng dẫn thiết kế các loại công trình xây dựng, khách sạn đảm bảo NKT tiếp cận sử dụng.

- Hoàn thành chỉnh sửa Dự thảo 03 TCVN: Hệ thống tài liệu thiết kế - Ký hiệu quy ước trên bản vẽ; Bản vẽ kỹ thuật - Nguyên tắc chung trình bày - Nét vẽ xây dựng; Bản vẽ kỹ thuật - Bảng kê.

- Triển khai 02 TCVN giao mới: Hỗ trợ kỹ thuật thiết kế cải tạo các công trình cấp xã (phường), cấp huyện (quận) đảm bảo NKT tiếp cận (giai đoạn 1); Trụ sở Tòa án nhân dân các cấp - Tiêu chuẩn thiết kế.

Năm 2018, với tình hình thực tế, để khắc phục tình trạng lắp đặt biển quảng cáo ở thành phố lớn diễn ra lộn

xộn, thiếu mỹ quan đô thị, Phòng nghiên cứu Tiêu chuẩn hoá xây dựng đã soát xét hoàn thành QCVN 17:2018/BXD, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng và lắp đặt phương tiện quảng cáo ngoài trời, ban hành theo Thông tư số 04/2018-TT-BXD ngày 20/5/2018.

Viện tiếp tục triển khai 02 TCVN (kế hoạch 2017): Hỗ trợ kỹ thuật thiết kế cải tạo các công trình cấp xã (phường), cấp huyện (quận) đảm bảo NKT tiếp cận (giai đoạn 1); Trụ sở Tòa án nhân dân các cấp - Tiêu chuẩn thiết kế;

Thực hiện và hoàn thành Dự thảo Trụ sở Tòa án nhân dân - Tiêu chuẩn thiết kế;

Triển khai khảo sát thực trạng và thu thập tài liệu, nghiên cứu phục vụ TCVN Hỗ trợ kỹ thuật thiết kế cải tạo các công trình cấp xã (phường), cấp huyện (quận) đảm bảo NKT tiếp cận (giai đoạn 2).

KẾT LUẬN

Như vậy có thể nói hơn 40 năm qua công tác tiêu chuẩn hoá xây dựng đã và đang được quan tâm một cách thích đáng trong quá trình hình thành và phát triển. Việc có một cơ quan có chức năng nghiên cứu và tổ chức nghiên cứu công tác tiêu chuẩn hoá xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn, thử nghiệm tiêu chuẩn, kiểm chuẩn và tiếp thu các ý kiến phản hồi về áp dụng tiêu chuẩn, đào tạo tập huấn, thông tin tiêu chuẩn là hết sức cần thiết. Ở bất kỳ quốc gia nào cũng luôn tồn tại một cơ quan như vậy.

Trong quản lý Nhà nước, hệ thống tiêu chuẩn hoá xây dựng là một bộ phận của hệ thống tiêu chuẩn hoá quốc gia. Do có sự khác nhau giữa sản phẩm xây dựng với sản phẩm công nghiệp nên chất lượng xây dựng sẽ xuyên suốt các giai đoạn tạo ra sản phẩm xây dựng. Vì vậy để đảm bảo chất lượng công trình xây dựng thì toàn bộ các hoạt động xây dựng tạo ra sản phẩm xây dựng phải được tiêu chuẩn hoá, từ khảo sát, quy hoạch, thiết kế, thi công, nghiệm thu đến khai thác vận hành và duy tu bảo dưỡng.

Để đáp ứng yêu cầu trên thì hệ thống quy chuẩn, tiêu chuẩn phải luôn được bổ sung, cập nhật, hoàn thiện và đưa công tác biên soạn quy chuẩn, tiêu chuẩn thành kế hoạch thường xuyên, hàng năm.

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA

Công tác Thiết kế điển hình (TKĐH) được bắt đầu từ những năm 1963, khi đó thuộc Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước (UBKTCBNN). Như vậy, tính đến nay, công tác TKĐH có tới 56 năm hoạt động về lĩnh vực này.

Mục tiêu của công tác TKĐH cho đến nay là nhằm xây dựng một quỹ TKĐH và đưa các TKĐH này vào áp dụng trong xây dựng. Các hoạt động nghiên cứu TKĐH đã bắt đầu được Nhà nước quản lý thống nhất kể từ khi Thông tư số 2056 UB/CQL ngày 19/9/1961 của Ủy ban kế hoạch Nhà nước (UBKHNN) ra đời. Nhưng phải tới khi UBXD CBNN được thành lập, do nhu cầu quản lý thống nhất xây dựng cơ bản, công tác TKĐH mới được xác định như một giải pháp quản lý, song song với các nghiên cứu công nghiệp hóa xây dựng.

Trải qua các giai đoạn lịch sử, công tác TKĐH đã từng bước đáp ứng tình hình thực tiễn trong lĩnh vực xây dựng qua từng giai đoạn. Tính đến nay đã có tới 580 kiểu, tập TKĐH đã được ban hành, có nhiều tác dụng và phục vụ hiệu quả ở nhiều địa phương trong từng giai đoạn, trong đó, số lượng các TKĐH áp dụng chuyển giao cũng tăng rõ rệt.

Những năm 1984, Nhà nước đã có qui định việc cấp phát và sử dụng vốn đầu tư cho công tác TKĐH. Những năm 1994, Nhà nước cũng đã ban hành sử dụng các thiết kế mẫu (thực chất là các TKĐH) trong các dự án chỉ có một bước thiết kế kỹ thuật - thi công... Những năm cuối thập kỷ

80, yêu cầu đổi mới của công tác TKĐH đã được đặt ra. TKĐH được chú ý điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu mới, với quy luật cung - cầu của thị trường. Các biện pháp điều chỉnh đã được thực hiện trên nhiều mặt.

Đặc biệt, từ năm 2005 đến nay, công tác TKĐH đã tham gia vào các chương trình mục tiêu quốc gia như: Chương trình Kiên cố hóa trường lớp học (2013-2018); Chương trình Mục tiêu Quốc gia Xây dựng Nông thôn mới (2010 - 2019); Thiết kế điển hình Nhà ở và công trình phúc lợi trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2013-2014:); Nghiên cứu thiết kế phục vụ chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (2010-2015); Thiết kế điển hình phục vụ chương trình hiện đại hóa công sở (2005-2017).

Kết quả đạt được từ việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên là những sản phẩm hướng dẫn các địa phương thực hiện mục tiêu chính của các chương trình.

Có thể nói, trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, công tác thiết kế điển hình đã trở thành công cụ quan trọng trong công tác quản lý Nhà nước. Ngày nay, trước thực tiễn đổi mới phát triển mạnh mẽ trong lĩnh vực xây dựng kiến trúc công trình của đất nước, công tác TKĐH cũng đang đặt ra những nhiệm vụ mới và sự chuyển hướng mới. Với vai trò, ý nghĩa đặc thù, đến nay, công tác TKĐH luôn cần thiết đối với đời sống xã hội.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Công tác Thiết kế điển hình qua các giai đoạn lịch sử:

Từ 1963 -1973 chức năng quản lý TKĐH thuộc Vụ Thiết kế Tiêu chuẩn - Ủy ban Kiến thiết cơ bản nhà nước (UBKTCBNN).

Từ 1974-1979: Hợp nhất UBKTCBNN và Bộ Kiến trúc thành Bộ Xây dựng, công tác thiết kế điển hình thuộc chức năng của Viện Khoa học Kỹ thuật xây dựng.

Từ 1979-1988: Thời kì hoạt động của UBKTCBNN, TKĐH thuộc chức năng của Viện Tiêu chuẩn hóa và Thiết kế điển hình. Tháng 3/1988, viện đổi tên là Viện Tiêu chuẩn hóa xây dựng. Đây là thời kì phát triển mạnh của việc nghiên cứu công nghệ và nghiệp vụ quản lý TKĐH cũng như sự phát triển đa dạng và phong phú Quy TKĐH.

Trong khoảng thời gian gần 10 năm tồn tại này, UBKTCBNN đã ban hành hơn 500 kiểu, tập TKĐH, trong đó có khoảng 50% số kiểu tập thiết kế điển hình từ thiết kế toàn bộ công trình tới bản vẽ thi công. Các TKĐH này một thời đã có nhiều tác dụng và phục vụ hiệu quả ở nhiều địa phương.

Nhiều văn bản pháp quy, hướng dẫn nghiệp vụ về TKĐH cũng đã được nghiên cứu và ban hành vào dịp này. Hoạt động TKĐH được qui định trong chỉ thị 237/TTg, điều lệ thẩm tra thiết kế số 237, điều lệ (dự thảo) công tác TKĐH, qui định sử dụng TKĐH trong các thiết kế cá biệt.

Thông tư Liên bộ Tài chính - Ủy ban Xây dựng Nhà nước số 13/TT-LB ngày 21/3/1984 qui định việc cấp phát và sử dụng vốn đầu tư cho công tác TKĐH. Các tiêu chuẩn Việt Nam HDXD 01, HDXD 02 qui định nội dung nghiên cứu và thể hiện hồ sơ TKĐH. Bảng giá thiết kế cũng đã xác định giá TKĐH trên cơ sở đơn giá thiết kế công trình cá biệt tương ứng.

Những năm từ 1989 - 2000, Bộ Xây dựng vẫn duy trì các nhiệm vụ chức năng quản lý nhà nước về xây dựng như của UBKTCBNN.

Nghị định số 177/CP ngày 20/2/1994, ban hành Điều lệ quản lý đầu tư xây dựng đã đề cập đến việc sử dụng các thiết kế mẫu được Nhà nước ban hành (thực chất là các TKĐH) trong các dự án chỉ có một bước thiết kế kỹ thuật - thi công.

Sự chuyển đổi sang nền kinh tế nhiều thành phần vừa tạo sự phát triển thị trường xây dựng, vừa tạo nên sự bùng

lồng về chất lượng xây dựng công trình, quản lý vốn đầu tư xây dựng, phát sinh nhiều thất thoát vốn xây lắp công trình. Sự hoài nghi hiệu quả về áp dụng các TKĐH nảy sinh. Đầu tư nghiên cứu TKĐH giảm thiểu khá lớn. Đó là tình hình của những năm cuối thập kỉ 80. Do vậy, yêu cầu đổi mới của công tác TKĐH đã được đặt ra. TKĐH được chú ý điều chỉnh cho phù hợp với các yêu cầu mới, với qui luật cung - cầu của thị trường. Các biện pháp điều chỉnh đã được thực hiện trên nhiều mặt.

Bước sang những năm của thập kỉ 90, công tác TKĐH đã khởi sắc lại. Trong 5 năm (1991-1995), hơn 80 kiểu tập TKĐH được ban hành. Trong đó, số lượng các TKĐH áp dụng chuyển giao đã tăng rõ rệt. Điều đó đã khẳng định lại sự cần thiết của TKĐH trong điều kiện nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Từ năm 1989-2003 công tác TKĐH do Viện Tiêu chuẩn hóa và Thiết kế điển hình, sau là Viện Tiêu chuẩn hóa Xây dựng dưới sự quản lý của Bộ Xây dựng.

Từ năm 2003 - 2008, Viện Tiêu chuẩn hóa xây dựng sát nhập Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc thành Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa Xây dựng, sau đổi tên là Viện Nghiên cứu Kiến trúc. Thời gian này Viện chủ yếu thực hiện các đề tài thiết kế điển hình tập trung phục vụ cho các chương trình của Chính phủ: Chương trình xóa đói giảm nghèo 135; Chương trình kiên cố hóa trường, lớp học xóa lớp học tranh tre nứa lá; Chương trình hiện đại hóa công sở; Chương trình nâng cao thiết chế cơ sở văn hóa xã

Từ năm 2009 - 2013, Viện Nghiên cứu Kiến trúc sáp nhập Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn thành Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn. Viện thực hiện phục vụ các Chương trình Nông thôn mới; Công trình công cộng và nhà ở vùng thiên tai; Cổng Quốc Môn...

Từ năm 2014 đến nay, Viện Kiến trúc Quốc gia được tái thành lập lại trên cơ sở sắp xếp lại tổ chức của Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn. Viện có nhiệm vụ thực hiện công tác TKĐH, tham gia các chương trình nhà ở xã hội, thiết kế mẫu nhà ở, công trình công cộng, thiết kế mẫu Quốc môn, Nhà kiểm soát liên hợp cửa khẩu biên giới đất liền Việt Nam...

Thiết kế điển hình với công tác xây dựng, lưu trữ, chuyển giao Quỹ thiết kế điển hình

- Xây dựng Quỹ TKĐH:

Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công tác TKĐH đã xây dựng một quỹ TKĐH lớn, đa dạng để ứng dụng vào thực tiễn. Quỹ TKĐH được tổ chức lưu trữ, bảo quản và khai thác từ thời Viện Tiêu chuẩn hóa xây dựng và nay là Viện Kiến trúc Quốc gia (Bộ Xây dựng). Hoạt động của Quỹ TKĐH bao gồm các hoạt động nghiên cứu xây dựng danh mục, phân loại nghiên cứu nghiệp vụ TKĐH, kế hoạch hóa phát triển theo các mục tiêu của ngành Xây dựng, tổ chức chuyển giao theo nhu cầu, gồm các mục sau: Tổ chức quản lý công tác điển hình hóa xây dựng; Dự báo và kế hoạch hóa phát triển; Phương pháp luận điển hình hóa; Thiết kế xây dựng thí điểm, thực nghiệm (Từ năm 1995 trở về trước)

Đặc biệt, từ năm 1996 đến nay, tính chung đã có gần 600 kiểu tập TKĐH đã được ban hành cho loại Trường Mầm non 5 nhóm lớp, Trường Mầm non trọng điểm quy mô 9 lớp - 15 lớp, Trường Mầm non cụm xã, lớp mẫu giáo lẻ quy mô 30 - 40 cháu áp dụng cho thôn bản.

TKĐH loại trường THCS chất lượng cao, trường tiểu học bán trú, trường THCS của cụm Trung tâm xã miền núi. Đặc biệt thiết kế 90 mẫu trường học phục vụ cho chương trình kiên cố hoá trường học của Chính phủ.

TKĐH loại trường PTTH khối thực hành; Trường dạy nghề quy mô 400 học sinh; Ký túc xá cho các trường chuyên nghiệp, cho các trường đại học và cao đẳng; Bệnh viện, trạm y tế, cơ sở cai nghiện ma tuý quy mô 150 giường; Nhà luyện tập thể thao trong trường PTTH; Khu vệ sinh và trạm xử lý nước sinh hoạt cho dân cư vùng ĐBS Cửu Long; Trung tâm văn hóa xã, Trung tâm lưu trữ cấp tỉnh, chợ, bến xe...

TKĐH nhà ở sử dụng vật liệu tại chỗ cho phát triển nhà ở vùng Lào Cai, nhà ở Tây Nguyên, nhà làm việc cơ quan xã, quận, huyện; Nhà văn hoá - thư viện huyện miền núi vvv...

Công tác TKĐH đóng góp đáng kể và có hiệu quả vào việc phát triển cơ sở hạ tầng và xã hội ở các địa phương, đặc biệt trong việc sử dụng TKĐH trong xây dựng điện, đường, trường, trạm ở cấp huyện, rút ngắn thời gian lập dự án khả thi và nâng cao chất lượng thiết kế của các công trình, góp phần thiết thực vào việc xoá đói giảm nghèo ở nông thôn. TKĐH giúp các địa

phương áp dụng xây dựng nhanh chóng và phù hợp với khí hậu, tập quán, nếp sống của dân tộc từng vùng.

Từ năm 2009 đến nay đã xuất bản 9 tập thông báo TKĐH, gần 20 đầu sách về TKĐH, các TKĐH về đường giao thông nông thôn, nhà ở ĐBS Cửu Long, mẫu thiết kế trường học năm 2003.

- Tổ chức khai thác, chuyển giao và áp dụng thiết kế điển hình.

Tuổi thọ mỗi đồ án thường từ 5-7 năm. Các TKĐH cấu kiện có tuổi thọ dài hơn, TKĐH vì kèo gỗ vẫn còn giá trị sử dụng sau khi ban hành chừng 20-25 năm. Nó phụ thuộc vào tuổi thọ của tiêu chuẩn áp dụng và tồn tại nhu cầu sử dụng. Việc lưu trữ, bảo quản phục chế các đồ án TKĐH cần chú ý đến đặc thù của các đồ án này là các bản giấy can mực đen, có thể dễ phai màu hoặc dễ dính các tờ bản vẽ vào mùa nóng.

Hiện nay, sử dụng các TKĐH đều được vẽ trên máy tính nên việc lưu trữ bảo quản lại có những yêu cầu khác, như: bảo quản chống xâm nhập của virus vào ổ và đĩa cứng, hoặc đĩa mềm, sự làm việc bình thường của máy tính,... Các máy lưu giữ dữ liệu, nếu được nối trong mạng cục bộ trong cơ quan, hoặc trong Bộ quản lí ngành, hoặc trong các mạng quốc gia, việc khai thác sẽ rất tiện dụng, không nhất thiết phải sử dụng các bản in gửi từ cơ quan cung cấp đồ án TKĐH. Viện Kiến trúc Quốc gia hiện đang cung cấp các yêu cầu thông qua hệ thống mạng internet và máy chủ đặt tại Viện.

Từ năm 1984 đến năm 2012 được ban hành tổng cộng 162 dự án đề tài trên 7 hạng mục (Công trình giáo dục, công trình y tế, công trình nhà ở, công trình công cộng, chi tiết cấu tạo xây dựng nhà và công trình, bộ cấu kiện chịu lực, công trình hạ tầng).

Thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, mục tiêu quốc gia

+ Chương trình kiên cố hoá trường lớp học (2013 -2018)

Xây dựng kiên cố các trường, lớp học theo hướng chuẩn hoá và hiện đại hoá vừa là mục tiêu mang tính giải pháp về cơ sở vật chất của các trường học, vừa là điều kiện cần thiết để thực hiện các mục tiêu chiến lược về phát triển giáo dục đào tạo thời kỳ 2001-2010 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 201/2001/QĐ-TTg ngày 28/12/2001. Theo đó, nhiệm vụ được đặt ra là: Thực hiện phổ cập giáo dục THCS, phát triển đào tạo nghề; Đào tạo nhân lực đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH; Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục đào

tạo; Phần đầu đến năm 2010 có 50% số trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia và 70% tổng số học sinh phổ thông được hoạt động cả ngày tại trường.

Sau gần 5 năm thực hiện chương trình kiên cố hoá trường, lớp học theo quyết định số 159/2002/QĐ-TTg ngày 15/11/2002 của Thủ tướng Chính phủ, cơ sở vật chất của các trường học được tăng cường thêm và từng bước được cải thiện. Mặt khác, quy mô phát triển giáo dục ngày một tăng cùng với việc chủ trương học 2 buổi/ngày đồng thời do yêu cầu phải có thêm lớp học, phòng học bộ môn, các phòng thí nghiệm... để hoàn thành chủ trương tách trường về cơ sở vật chất của các trường mẫu giáo và tiểu học; các trường tiểu học và THCS; các trường THCS và THPT.

Vì những lý do trên đây, việc đưa ra nhiệm vụ TKĐH "Phòng học bộ môn, phòng thí nghiệm, thư viện" là cần thiết; Đồng thời góp phần thanh toán các phòng học tạm, phòng học xuống cấp không đảm bảo tiêu chuẩn ảnh hưởng đến sự an toàn đối với học sinh và giáo viên.

Thực hiện nhiệm vụ này, Viện đã thực hiện triển khai thiết kế các mẫu TKĐH cho các đối tượng: TKĐH nhà ở công vụ cho giáo viên; Thiết kế điển hình Trường Mầm non - phòng hoạt động âm nhạc và rèn luyện thể chất; TKĐH Trường Tiểu học - khối phục vụ học tập và phòng học bộ môn; TKĐH Trường THCS - khối phục vụ học tập và phòng học bộ môn; TKĐH Trường THPT - khối phục vụ học tập và phòng học bộ môn.

+ Chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới (2010 - 2019).

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá X đã ra Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đã chỉ rõ: Nông nghiệp, nông dân, nông thôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn phải được giải quyết đồng bộ, gắn với quá trình đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước.

Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội hiện đại; Cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, đô thị theo quy hoạch; Xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hoá dân tộc; Dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; Hệ thống chính trị ở nông thôn dưới sự lãnh đạo của

Đảng được tăng cường.

Kinh tế nông thôn chuyển dịch theo hướng tăng công nghiệp, dịch vụ, ngành nghề; Các hình thức tổ chức sản xuất tiếp tục đổi mới. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tăng cường; Bộ mặt nhiều vùng nông thôn thay đổi; Đời sống vật chất và tinh thần của dân cư ở hầu hết các vùng nông thôn ngày càng được cải thiện.

Một số vấn đề bất cập trong xây dựng nông thôn nảy sinh như môi trường điểm dân cư phát triển thiếu tính bền vững, đang dần đánh mất bản sắc; Công nghiệp nông thôn, làng nghề mới phát triển thiếu khả năng cạnh tranh; Môi trường trong các làng nghề truyền thống bị xuống cấp; Nhiều vùng dân cư bị ảnh hưởng nặng nề của thiên tai, không đảm bảo an toàn cho cuộc sống người dân...

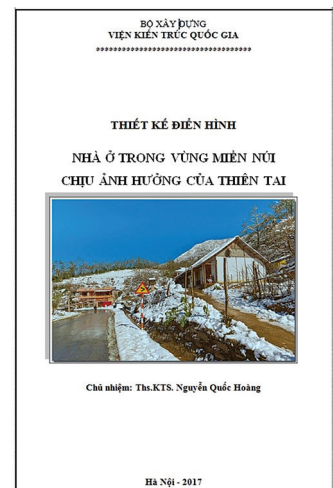
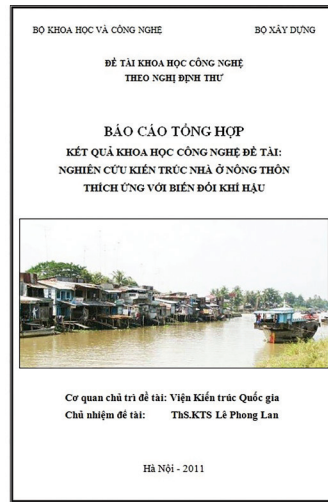
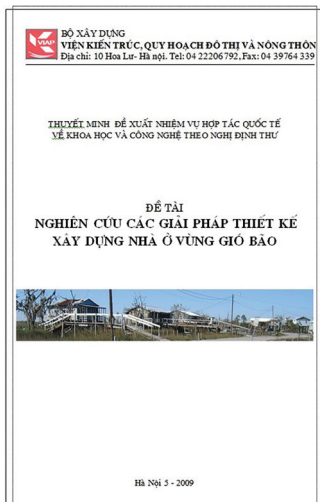
Ngày 28/10/2008 Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 24/2008/NQ-CP về Chương trình hành động thực hiện để cụ thể hoá tinh thần của Nghị quyết 26-NQ/TW về nông nghiệp, nông thôn, nông dân.

Một trong những mục tiêu đã đặt ra trong Nghị quyết 24/NQ-CP là nhằm cải thiện và nâng cao chất lượng sống của cộng đồng dân cư các vùng nông thôn trong xây dựng Nông thôn mới, góp phần phát triển đất nước và giảm dần khoảng cách trong cuộc sống giữa khu vực đô thị và nông thôn.

Một trong những nhiệm vụ chủ yếu để đạt các mục tiêu trên thì công tác nâng cao chất lượng quy hoạch và quản lý quy hoạch là rất quan trọng. Nghị quyết nêu rõ "Các Bộ, Ngành, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW xây dựng các quy hoạch tổng thể, rà soát các quy hoạch hiện có trình các cấp thẩm quyền phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn, giám sát thực hiện quy hoạch". Đối với các đối tượng là các điểm dân cư nông thôn nhiệm vụ cũng chỉ rõ đến 2009 phải hoàn thành "Nghiên cứu mô hình quy hoạch xây dựng Nông thôn mới" và đã giao cho Bộ Xây dựng chủ trì các nội dung này.

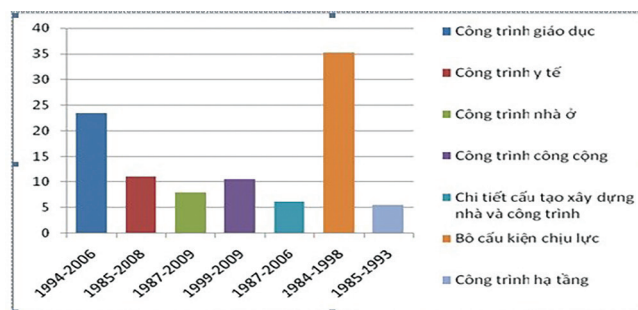
Viện đã được Bộ giao triển khai thiết kế các mẫu TKĐH cho các đối tượng: TKĐH nhà ở nông thôn; TKĐH điểm phục vụ bưu chính viễn thông xã; TKĐH chợ nông thôn cấp xã; Thiết kế điển hình trạm y tế xã; TKĐH đường giao thông nông thôn; Nghiên cứu thiết kế chợ nông thôn.

+ Thiết kế điển hình Nhà ở và công trình phúc lợi trong thời kỳ



Một số sản phẩm thiết kế điển hình

Biểu đồ tỉ lệ % các hạng mục dự án được ban hành từ năm 1984- 2012



đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa (2013 - 2014)

Bước sang thập kỷ thứ 2 của thế kỷ 21, tình hình phát triển kinh tế xã hội của Việt Nam đã và đang có sự chuyển dịch mạnh mẽ từ nông nghiệp sang lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ, dẫn đến chuyển dịch lớn về cơ cấu lao động, do đó đã nhanh chóng hình thành và phát triển các đô thị, các khu công nghiệp làm cho nhu cầu nhà ở tại các thành phố lớn và các khu công nghiệp, khu chế xuất ngày càng tăng mạnh. Vấn đề nhà ở cho người dân các đô thị lớn nói chung, mà đặc biệt là nhà ở cho người có thu nhập thấp đang ngày càng nhận được sự quan tâm sâu sắc của Chính phủ cũng như Chính quyền các thành phố.

Nhìn lại quá trình phát triển xây dựng nhà ở trên thế giới có thể thấy rằng các nước phát triển trên thế giới có cả một ngành công nghiệp xây dựng nhà ở có quy mô và tầm ảnh hưởng rất lớn.

Để giải quyết vấn đề bức xúc trong bối cảnh Việt Nam hiện tại, việc tìm ra một giải pháp xây dựng công nghiệp hóa nhà ở trên một quy mô lớn là một yêu cầu tất yếu. Các công nghệ lắp ghép nhà ở giai đoạn 1954-1986 đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của một thời kỳ lịch sử và không thể tiếp tục áp dụng được cho thời kỳ hiện nay.

Như vậy, yêu cầu về một mô hình mang tính công nghiệp hóa hiện đại mới để xây dựng nhà ở hiện nay đã trở nên cấp thiết. Việc nghiên cứu và đề xuất một mô hình hiệu quả, tối ưu sẽ tiết kiệm được đáng kể các nguồn lực xã hội dành cho việc xây dựng nhà ở, bên cạnh đó cũng sẽ giúp cho Chính phủ có một định hướng quy hoạch, kế hoạch và các chính sách quản lý tốt trong việc giải quyết vấn đề nhà ở cho các thành phố lớn.

Phục vụ chủ trương trên của Nhà nước, Viện đã được Bộ Xây dựng giao TKĐH cho các hạng mục: TKĐH Nhà ở công nhân; TKĐH Nhà ở sinh viên; TKĐH Nhà ở cho người thu nhập thấp; TKĐH Trung tâm dưỡng lão...

+ Nghiên cứu thiết kế phục vụ chương trình mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu (2010 - 2015).

Phục vụ chương trình Mục tiêu Quốc gia ứng phó với biến đổi khí hậu, Viện cũng đã tích cực tham gia các nhiệm vụ, đề tài do Bộ Xây dựng giao. Cụ thể:

Đề tài: Nghiên cứu kiến trúc nhà ở nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu (Đề tài nghiên cứu cấp Nhà nước, theo chương trình nghị định thư hợp tác Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia

Trung Quốc) đã tổng kết số liệu điều tra, kinh nghiệm thiết kế xây dựng mô hình nhà ở nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu ở Trung Quốc và trên thế giới; Từ đó xây dựng tài liệu hướng dẫn nhà ở nông thôn thích ứng với biến đổi khí hậu tại Việt Nam.

Đề tài: "Nghiên cứu các giải pháp thiết kế xây dựng nhà ở gió bão" (Đề tài nghiên cứu cấp nhà nước, theo chương trình Nghị định thư hợp tác trường Kiến trúc Quy hoạch Massachusetts - Hoa Kỳ) đã khảo sát, thu thập tài liệu, học tập kinh nghiệm tình hình xây dựng nhà trong vùng gió bão ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và trên thế giới. Đồng thời, tổng hợp, đánh giá các kinh nghiệm và giải pháp thiết kế xây dựng nhà ở gió bão ở Hợp chủng quốc Hoa Kỳ và trên thế giới, đề xuất các kết quả nghiên cứu áp dụng phù hợp với điều kiện thực tế ở Việt Nam.

Nhiệm vụ: "Thiết kế điển hình nhà ở và công trình công cộng vùng thiên tai tại Miền Trung và Tây Nam Bộ" đã đưa ra những giải pháp chỉnh trang và hoàn thiện hệ thống các công trình kiến trúc nhà ở và công trình công cộng, cải thiện từng bước và nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm dần khoảng cách giữa nông thôn với đô thị; Đảm bảo điều kiện sống ổn định, hài hòa với thiên nhiên và môi trường trong điều kiện biến đổi khí hậu và nước biển dâng. Các đối tượng triển khai là: (1) TKĐH Trường Trung học cơ sở; (2) TKĐH Trường Tiểu học; (3) TKĐH Trường Mầm non; (4) TKĐH Nhà văn hoá thôn vùng bão lũ.

Với nhiệm vụ: "Thiết kế điển hình Nhà ở miền núi phía Bắc chịu ảnh hưởng của thiên tai", Viện đã thiết kế 20 mẫu nhà cho 3 loại địa hình: Vùng thung lũng lòng chảo thấp; Vùng giữa hay các sườn núi; Vùng cao hay rẻo núi cao. Các mẫu đưa ra bao gồm nhà ở truyền thống, nhà ở tận dụng vật liệu địa phương, nhà ở sử dụng vật liệu tái tạo (Container), nhà ở khung thép, tường sàn bê tông nhẹ dễ dàng vận chuyển, tháo lắp, đặc biệt cho các vùng có địa hình khó khăn hiểm trở, khó vận chuyển.

+ TKĐH phục vụ chương trình hiện đại hóa công sở (2005 - 2017).

Phục vụ chương trình hiện đại hóa công sở, Viện đã nghiên cứu các mẫu TKĐH:

TKĐH trụ sở Tòa án cấp tỉnh và cấp huyện: Xây dựng mô hình trụ sở làm việc tòa án nhân dân cấp huyện và cấp tỉnh thống nhất và hợp lý về cơ cấu khối chức năng và dây chuyền hoạt động. Tạo môi trường xét xử và làm việc đảm bảo phù hợp với các điều kiện đặc thù của trụ sở tòa án nhân dân.



Thiết kế điển hình Cổng cửa khẩu (Quốc môn)



Thiết kế điển hình Nhà ở xã hội



Thiết kế điển hình Nhà ở CC cao tầng



Cửa khẩu Lào Cai



Hai thiết kế điển hình do Viện thực hiện đã được chọn để xây dựng là Cửa khẩu Lào Cai và Cửa khẩu Lệ Thanh (Gia Lai)



Cửa khẩu Lệ Thanh - Gia Lai (4.2019)



Giải nhất cuộc thi thiết kế mẫu nhà ở và nhà trọ công nhân các khu công nghiệp trên địa bàn TP.Đà Nẵng (2018)



Giải đặc biệt cuộc thi chung tay kiến tạo nhà ở nông thôn Việt Nam (2019)



TKĐH trụ sở bảo hiểm xã hội cấp tỉnh và cấp huyện: Để xuất thiết kế điển hình công trình “Bảo hiểm xã hội cấp huyện và tỉnh” nhằm công nghiệp hóa xây dựng, tiết kiệm thời gian công sức thiết kế và nâng cao chất lượng xây dựng hạ giá thành sản phẩm. Đồng thời tạo điều kiện để nâng cao trình độ kỹ thuật thiết kế, rút ngắn thời gian lập hồ sơ thiết kế và dự toán, giảm chi phí về vật liệu, đồng thời giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc tại địa phương.

Các mẫu TKĐH làm cơ sở cho việc hướng dẫn thiết kế, thiết kế mới công trình Bảo hiểm xã hội cấp huyện và tỉnh.

Các mẫu TKĐH “Bảo hiểm xã hội cấp huyện và tỉnh” tạo ra môi trường làm việc, sinh hoạt có chất lượng tốt cho các cán bộ, công nhân viên, đóng vai trò là một công cụ, sổ tay đắc lực và hiệu quả giúp cho nhà nước điều tiết xã hội trong nền kinh tế thị trường theo định hướng XHCN.

Các mẫu đảm bảo về công năng sử dụng, bền chắc, kiến trúc phù hợp tập quán văn hoá của địa phương.

KẾT LUẬN

Có thể nói, công tác TKĐH đã tham gia vào sự nghiệp nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tiễn của Viện trong suốt tiến trình lịch sử hình thành và phát triển Viện Kiến trúc Quốc gia.

40 năm qua, công tác TKĐH đã đóng góp cho xã hội một

quỹ TKĐH lớn, phong phú, đa dạng về các chủng loại thiết kế, góp phần không nhỏ vào công tác phục vụ quản lý và phát triển các hạng mục công trình kiến trúc của các ban, ngành, địa phương trong từng thời kỳ.

Công tác TKĐH cũng đã kịp thời phục vụ các nhiệm vụ, chương trình, mục tiêu quốc gia của Đảng và Chính phủ, gắn với lịch sử phát triển nhà ở và công trình xã hội của đất nước. Qua đó cũng đã hình thành, xây dựng một đội ngũ cán bộ chuyên biệt, tạo nền tảng cho việc phát triển công tác nghiên cứu khoa học của lĩnh vực TKĐH trong giai đoạn mới.

Có thể nói, lĩnh vực TKĐH trong suốt quá trình phát triển cũng đã phải trải qua những giai đoạn thăng trầm do thực tiễn xã hội tác động. Tuy nhiên, một đòi hỏi lớn cũng luôn đặt ra là TKĐH phải luôn nắm bắt, phát hiện và kịp thời có được những đề xuất hay thiết kế điển hình thực sự phù hợp đem lại hiệu quả cao đối với xã hội.

TKĐH có được ứng dụng và phổ cập vào thực tiễn hay không cũng còn phải được gắn với cơ chế, chính sách. Vì vậy, đây là một lĩnh vực đặc thù, cần sự phối hợp chặt chẽ và đôn đốc mạnh mẽ từ chủ trương, chính sách của các Ban ngành, Chính phủ, Nhà nước.

VAI TRÒ VÀ Ý NGHĨA

Trong mỗi lĩnh vực chuyên ngành, công tác đào tạo, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho các cán bộ của Ngành là hết sức quan trọng, luôn được đặt ra trong mọi giai đoạn. Thực hiện tốt công tác này chính là tạo sức mạnh nội lực, hướng tới phát triển Ngành cả về bề sâu và chiều rộng, bền vững cho hiện tại và tương lai.

Công tác Đào tạo và Hợp tác quốc tế Viện Kiến trúc Quốc gia được xuất phát từ nhu cầu thực tiễn phục vụ, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng của Viện, của Ngành về lĩnh vực Kiến trúc, phát triển kiến trúc đô thị và nông thôn.

Bên cạnh các cơ sở đào tạo về lĩnh vực Kiến trúc, Xây dựng của các trường đại học trong và ngoài ngành Xây dựng, Viện Kiến trúc Quốc gia trực thuộc Bộ Xây dựng được giao nhiệm vụ: Tổ chức đào tạo Tiến sĩ, Thạc sĩ chuyên ngành Kiến trúc; Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, tư vấn, thiết kế kiến trúc và phục vụ cho việc cấp chứng chỉ hành nghề chuyên ngành Kiến trúc và Xây dựng; Bồi dưỡng, tập huấn, phổ

biến thông tin về khoa học công nghệ, quy chuẩn, tiêu chuẩn, thiết kế điển hình, lịch sử kiến trúc và bảo toàn di sản, quy hoạch phát triển đô thị và nông thôn, thiết kế đô thị và cảnh quan trong lĩnh vực kiến trúc và xây dựng...

Hiện nay, Viện Kiến trúc Quốc gia là đơn vị đầu mối về công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho cán bộ làm công tác nghiên cứu, tư vấn, thiết kế kiến trúc và phục vụ cho việc cấp chứng chỉ hành nghề chuyên ngành Kiến trúc và Xây dựng. Công tác Đào tạo và Hợp tác Quốc tế là một điểm nhấn quan trọng, góp phần tạo dựng thương hiệu của Viện Kiến trúc Quốc gia hôm nay.

Với chức năng, nhiệm vụ đặt ra, công tác Đào tạo và Hợp tác Quốc tế của Viện đã góp phần tích cực vào sự nghiệp đào tạo chung của cả nước và đào tạo nguồn nhân lực của ngành nói riêng. Đồng thời mở rộng hợp tác quốc tế trong đào tạo và hợp tác chuyển giao nghiên cứu khoa học và ứng dụng thực tiễn, góp phần nâng cao năng lực, vị thế của Viện cũng như của Ngành trên chính trường quốc tế.

THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ CÁC KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

VỀ CÔNG TÁC ĐÀO TẠO

Năm 1979: Ngay từ những ngày đầu thành lập Viện Tiêu chuẩn hóa và Điển hình hóa xây dựng, công tác đào tạo gắn với việc nâng cao nghiệp vụ công tác tiêu chuẩn và điển hình hóa, cần nhất những ứng dụng vào xây dựng thống nhất trong cả nước. Các khóa đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các bộ làm công tác tiêu chuẩn hóa được tổ chức. Cùng với đó, các hợp tác với đơn vị trong và ngoài nước trên các mảng công tác được giao. Mặc dù chưa có một đơn vị mang tên Đào tạo và Hợp tác Quốc tế, nhưng hoạt động này được lồng ghép trong chức năng nhiệm vụ của Phòng Tổng hợp và các đơn vị nghiên cứu trong Viện.

Năm 1996: Bộ Xây dựng đã có quyết định thành lập Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa xây dựng. Với mục tiêu xây dựng Viện không chỉ dẫn đầu về công tác nghiên cứu tư vấn kiến trúc mà phải là đơn vị đào tạo, Viện đã chuẩn bị các bước để quyết tâm thực hiện mục tiêu đề ra. Vì thế, để phục vụ nhiệm vụ xây dựng “Đề án đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc” Viện trưởng Nguyễn Việt Châu đã cử các kiến trúc sư trẻ, khi đó đều đang đảm nhận trọng trách trưởng các đơn vị như Ngô Quốc Huy, Nguyễn Tất Thắng, Lê Thị Bích Thuận, Nguyễn Trọng Khang vào Trường Đại học Kiến trúc theo học khóa đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc. Viện đã mời các KTS, các chuyên gia đầu ngành về tham gia các dự án, đề tài

NCKH, thông qua đó để đào tạo đội ngũ nghiên cứu kế cận.

Giai đoạn này cũng là giai đoạn các cán bộ chủ chốt như PGS. Trần Hùng, PGS. Nguyễn Kim Luyện, PGS. Trần Trọng Hanh. GS. Nguyễn Việt Châu, GS. Nguyễn Bá Đương, PGS. Trần Quốc Dũng lần lượt được phong hàm và tham gia tích cực trong sự nghiệp giảng dạy và đào tạo ở Viện cũng như ở các trường Đại học lớn trong cả nước. Chính các hoạt động này tạo tiền đề vững chắc cho sự thành công của “Đề án Đào tạo tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc” của Viện.

Hàng năm, Viện cũng tiếp nhận một bộ phận lớn sinh viên từ các khoa Kiến trúc của các trường đến Đại học thực tập, làm đồ án tốt nghiệp. Có những người sau này được lựa chọn và ở lại làm việc gắn bó với Viện cho đến hôm nay như ThS.KTS. Đỗ Thu Vân, ThS.KTS. Đào Thị Bích Thủy, TS. Tạ Thị Hoàng Vân... Các anh chị trở thành cán bộ nòng cốt trong công tác đào tạo và quản lý tại các đơn vị chuyên môn.

Năm 2000, dấu ấn lớn trong đào tạo của Viện được đánh dấu khi Viện chính thức được Chính phủ giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc. Viện là một trong những Viện đầu tiên của Bộ Xây dựng ở thời điểm đó được giao trọng trách quan trọng này. Nó cũng cho thấy những yêu cầu thực tiễn trong thiết kế kiến trúc và những vấn đề về nghiên cứu, lý luận phê bình kiến trúc.

Quyết định số 137/2000/QĐ-TTg ngày 28/11/2000 của Thủ tướng Chính phủ đã giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử kiến trúc khi đó là Viện Nghiên cứu Kiến trúc là một động lực quan trọng. Từ đó công tác đào tạo có thể thấy nổi bật ở hai lĩnh vực: Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc và Đào tạo bồi dưỡng nâng cao năng lực cán bộ tư vấn thiết kế kiến trúc, cũng như phục vụ cho việc nâng cao năng lực trong lĩnh vực kiến trúc xây dựng.

Có được trọng trách quan trọng này phải kể đến công sức và những nỗ lực của Ban lãnh đạo Viện cũng như các cán bộ trực tiếp thực hiện nhiệm vụ. Nhiệm vụ đó thể hiện định hướng mang tính chiến lược của lãnh đạo, nâng vai trò và vị trí của Viện Kiến trúc mang tầm Quốc gia.

Để có được Quyết định giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ Kiến trúc sư, được sự chỉ đạo trực tiếp của Ban lãnh đạo Viện, bản Đề án xin cấp mã ngành Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc được thực hiện một cách bài bản và kỹ lưỡng. Đề án này được thông qua Hội đồng khoa học cấp Bộ và thương thảo với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Xây dựng đồng thời xin ý kiến phản biện của 2 trường Đại học

lớn là Đại học Kiến trúc và Đại học Xây dựng.

Với những nỗ lực không ngừng và các tiêu chí yêu cầu khắt khe về khung pháp lý của cấp đào tạo, ngày 28/11/2000, Thủ tướng Chính phủ chính thức ký giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu Kiến trúc tại Quyết định số 137/2000/QĐ-TTg. Thừa lệnh của Thủ tướng Chính phủ, ngày 6/12/2000, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ký quyết định 5380/QĐ/BDG&ĐT/SĐH về việc giao đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử Kiến trúc với Mã ngành: 2.17.08.

Để thống nhất hệ thống Mã ngành tạo các cơ sở đào tạo trong toàn quốc, ngày 14/3/2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định số 1348/QĐ-BGD&ĐT-ĐH&SĐH, về việc chuyển đổi chuyên ngành đào tạo sau đại học: Lý thuyết và Lịch sử Kiến trúc thành Mã ngành: 62.58.01.01. Đến ngày 15/3/2018, Quyết định số 968/QĐ-BGDĐT về việc chuyển đổi tên các ngành đào tạo trình độ Tiến sĩ của Viện Kiến trúc Quốc gia sang Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ Thạc sĩ, Tiến sĩ. Tên ngành: Kiến trúc, Mã ngành 62580102.

Mặc dù nhiều lần thay đổi Mã ngành trong suốt 19 năm qua, nhưng có thể thấy sự mở rộng các chuyên ngành đào tạo đòi hỏi tính liên ngành và tiếp cận mới mẻ. Chính vì thế, chuyên ngành Kiến trúc đã khẳng định một hướng đào tạo lâu dài và thiết thực. Chuyên ngành Kiến trúc bao gồm 2 lĩnh vực cơ bản: Nghiên cứu về Lý thuyết Kiến trúc và Nghiên cứu về Lịch sử Kiến trúc. Trong đó, Lý thuyết Kiến trúc bao gồm các vấn đề: lý luận nghệ thuật kiến trúc, phê bình kiến trúc, quy hoạch không gian đô thị và nông thôn, kiến trúc nhà ở và công trình công cộng, kiến trúc công nghiệp, trang trí nội ngoại thất cảnh quan, tiêu chuẩn hóa trong lĩnh vực kiến trúc. Nghiên cứu Lịch sử Kiến trúc bao gồm các vấn đề: Lịch sử kiến trúc Việt Nam, bảo tồn tôn tạo và khai thác di sản kiến trúc, nghiên cứu kiến trúc dân gian theo vùng miền, dân tộc...

Năm 2008: Sau khi sáp nhập thành lập Viện Kiến trúc Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, công tác đào tạo bổ sung thêm lĩnh vực Quy hoạch xây dựng. Các chương trình đào tạo phục vụ cho việc cấp chứng chỉ hành nghề trong lĩnh vực kiến trúc, quy hoạch xây dựng. Tăng cường công tác hợp tác đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ Viện trên cơ sở các mối quan hệ hợp tác lâu dài với tổ chức, cá nhân nước ngoài để trao đổi cán bộ giữa hai bên.

Năm 2014: Đánh dấu những nỗ lực trong công tác đổi mới nâng cao chất lượng công tác đào tạo tiến sĩ, bằng các hoạt động cụ thể như tư vấn trước khi tuyển sinh, xây dựng kế hoạch,



Ký kết thỏa thuận hợp tác giữa VIAR và RICON (2017)



Hội thảo hợp tác hạ tầng toàn cầu (Global Infrastructure Cooperation Conference) là một hoạt động thường niên do Bộ Đất đai, Hạ tầng và Giao thông Hàn Quốc (MoLIT), cùng Bộ Ngoại giao Hàn Quốc (MoFA) và Hiệp hội các Nhà thầu Quốc tế Hàn Quốc (ICAK) đồng tổ chức.



Hội thảo Hợp tác quốc tế ngành Xây dựng Việt Nam. Hội thảo nằm trong chương trình hợp tác giữa viện (RICON – KOREA) và Viện Kiến trúc Quốc gia (VIAR -VIỆT NAM).

chương trình cho các NCS và giám sát đôn đốc trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu. Đơn vị đào tạo cũng gợi mở các hướng đề tài nghiên cứu của luận án, tổ chức các hoạt động học thuật khuyến khích NCS tham gia. Giới thiệu, cập nhật thông tin về tài liệu, học bổng trên các nguồn thông tin: Tạp chí Kiến trúc chuyên ngành, website, facebook... Viện cũng đã kiện toàn lại Hội đồng Khoa học - Đào tạo cơ sở và hoàn thiện Quy định đào tạo Tiến sĩ của Viện theo quy chế đào tạo mới. Kiện toàn công tác đào tạo Tiến sĩ theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ sau khi có quyết định tái thành lập Viện Kiến trúc Quốc gia. Xây dựng Quy chế Đào tạo Tiến sĩ theo các quy định mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Xây dựng kế hoạch chương trình nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, mở rộng hợp tác đào tạo với các chuyên gia, các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước.

Sau 5 năm tái thành lập Viện, từ 1 NCS, đến nay Viện đã có 14 NCS đã và đang nghiên cứu ở các khu vực khác nhau trong cả nước. Lãnh đạo Viện có chính sách khuyến khích cán bộ trong Viện theo học, đặc biệt là các cán bộ trong diện nguồn quy hoạch. Những hoạt động đào tạo gắn khoa học với các vấn đề thực tiễn cùng với sự khuyến khích tạo điều kiện của Viện đã tạo nên một cơ sở đào tạo Tiến sĩ có uy tín và tin cậy. Viện tích cực mời các chuyên gia từ các Viện Nghiên cứu, các trường Đại học hàng đầu trong cả nước tham gia đóng góp, phản biện tại các Hội đồng khoa học đào tạo. Viện cũng đã tiến hành tổ chức Lễ trao bằng cho TS.KTS. Đào Thị Tiến Ngọc và TS.KTS. Ngô Trung Hải theo đúng nghi thức và trang trọng.

Bên cạnh công tác đào tạo tại chỗ, Viện cũng hợp tác với các cơ sở đào tạo khác, tổ chức các khóa học cấp chứng chỉ về các lĩnh vực Quản lý dự án, Giám sát thi công, Quản lý sàn BĐS, Thẩm định giá xây dựng... Viện đã tổ chức được các khóa bồi dưỡng nghiệp vụ định giá xây dựng; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật, giao thông, thủy lợi; Môi giới, định giá và điều hành quản lý Sàn giao dịch BĐS; Tập huấn đào tạo về kiểm định chất lượng xây dựng theo Đề án 115 tại các địa phương cho các cán bộ trong ngành Xây dựng.

Viện cũng xây dựng các tài liệu học tập cho các khóa đào tạo chuyên sâu ở các địa phương như: Nâng cao năng lực NCKH trong lĩnh vực Kiến trúc Quy hoạch; Thiết kế đô thị - từ lý thuyết đến thực tiễn; Tăng trưởng Xanh & Phát triển bền vững; Quản lý và Phát triển đô thị; Mô phỏng năng lượng trong công trình, Thiết kế đô

thị mẫu, Phát triển đô thị bền vững... đã tiếp cận hơn 2.000 học viên là cán bộ trong ngành Xây dựng, và đào tạo trải rộng khắp các địa phương trên toàn quốc. Có được thành quả này, chính là vì các khóa học đều được cập nhật thông tin mới, cách truyền giảng của đội ngũ giảng viên có chuyên môn, vấn đề đặt ra giải quyết được những yêu cầu của địa phương.

Từ năm 2000 - 2019 là khoảng thời gian gần 20 năm Viện đã chính thức tiến hành công tác đào tạo Tiến sĩ, song song với công tác quản lý NCS các khóa. Viện Kiến trúc Quốc gia đã không ngừng xây dựng và hoàn thiện bộ máy tổ chức đào tạo. Đội ngũ các cán bộ giảng dạy hiện nay của Viện bao gồm 7 TS, 01 PGS.TS. Bên cạnh đó Viện còn hợp tác sâu rộng với nhiều nhà khoa học có trình độ và chuyên môn cao của các đơn vị quản lý Nhà nước và đào tạo khác như: Các Cục, Vụ, Viện thuộc Bộ Xây dựng, Hội Kiến trúc sư Việt Nam, Hiệp hội phát triển Đô thị, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Xây dựng...

VỀ CÔNG TÁC HỢP TÁC QUỐC TẾ

Đối với công tác hợp tác nghiên cứu khoa học giữa Viện với các tổ chức quốc tế, các viện nghiên cứu, trường đại học của nước ngoài ngày càng phát triển. Viện đã hợp tác nghiên cứu với nhiều nước và nhiều tổ chức khoa học quốc tế và nước ngoài như: Trường đại học Tổng hợp Lund Thụy Điển; Hiệp hội tiêu chuẩn Úc, Đại học tổng hợp Xây dựng Xôphiá (Bungari), Đại học Nữ Chiêu Hoàng (Nhật bản), trường Đại học tổng hợp Macrche Italia, Trung tâm hợp tác quốc tế CECI (Canada), Ủy ban Tổng thống Mỹ về người tàn tật, Viện nghiên cứu Kiến trúc Bắc Kinh (Trung Quốc), Đại học Xây dựng Matxcova (Nga), để nghiên cứu các vấn đề về lĩnh vực Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa xây dựng.

Trong 5 năm (1994 -1999), được sự quan tâm đặc biệt ngay từ khi tái thành lập Viện Kiến trúc Quốc gia, Viện tiếp tục khai thác các mối quan hệ của các đối tác trước đó và tìm kiếm các đối tác mới có những yêu cầu tìm kiếm thị trường và nghiên cứu các lĩnh vực mới trong ngành Xây dựng.

Đến nay, Viện đã có hợp tác với hơn 40 đối tác nước ngoài đến từ các Trường đại học, Viện Nghiên cứu, các tổ chức chính phủ, Các doanh nghiệp, Công ty, tập đoàn lớn như World Bank, JICA (Nhật Bản); Hội đồng Công trình Xanh Việt Nam (VGBC); Fairventure Worldwide FWV gGmbH (Cộng hòa Liên bang Đức) IMV (Ill de France); Boydens Engineering và NEY & partners; Công ty Winrock (USAID); Đại học ChiBa University (Nhật Bản); Trường



Lễ trao bằng Tiến sĩ cho các NCS: Lê Thị Bích Thuận, Nguyễn Tất Thắng, Nguyễn Trọng Khang



Lễ bảo vệ luận án Tiến sĩ của NCS. Ngô Quốc Huy



Lễ Bảo vệ luận án Tiến sĩ của NCS. Đào Thị Tiến Ngọc



Lễ trao bằng Tiến sĩ cho NCS. Ngô Trung Hải

Đại học Bắc Đan Mạch (University College Northern Denmark); Công ty SAMOO (Hàn Quốc), Công ty KIDP (Hàn Quốc); Spatial Decisions (Ấn Độ); Group 8; Spatial Decisions (Ấn Độ); Viện Công nghệ Nagoya - Nhật Bản; Đại học Wellington New Zealand; Cty Jakob + Marfarlane (Pháp); Công ty SLAVIN (Úc); Hội đồng công trình Xanh Việt Nam (BGVC); Công ty BDNA (Bỉ); Viện Mỹ thuật TW Trung Quốc; Cơ quan Môi trường và Quản lý năng lượng Pháp (ADEME); Viện Nghiên cứu Nhà ở (Hong Kong), Công ty ALLEGION (Mỹ).

Các hợp tác này được cụ thể bằng các thỏa thuận hợp tác, tổ chức hội thảo quốc tế, mời các chuyên gia giảng dạy và liên kết đào tạo các dự án quốc tế: Cử 3 đợt cán bộ theo học khóa đào tạo Năng lượng sạch của Winrock (USAID - Hoa Kỳ); Hàng năm cử cán bộ tham quan khóa đào tạo quốc tế các lĩnh vực: Quản lý Kiến trúc, Quản lý Môi trường Đô thị (Viện Singapore tại Việt Nam), Cử cán bộ tham gia học bổng chính phủ Nhật (Japan Foundation), tham gia các khóa đào tạo về quản lý và bảo tồn di sản của UNESCO, ICCROM... và nhiều diễn đàn hội thảo quốc tế khác.

Bên cạnh đó, Viện còn đóng vai trò là đơn vị hỗ trợ về khung pháp lý đối với các đối tác nước ngoài. Cùng liên danh triển khai thực hiện các đồ án, các cuộc thi quốc tế và dành giải thưởng ngoại mục: Giải Nhì (không có giải Nhất) cuộc thi Công viên Hoàng thành - Sự kết nối các yếu tố Bảo tồn - Cộng đồng và tiết kiệm năng lượng (Liên danh với Boyden Engerneering, Bỉ); Phương án quy hoạch và Kiến trúc Cung triển lãm quốc gia (liên danh với Công ty SAMOO, Hàn Quốc); Đồ án Quy hoạch chung thành phố Tuyên Quang (Liên danh với Công ty AREP, Pháp)...

Viện còn là đầu mối tổ chức Hội thảo quốc tế "Kiến trúc hiện đại Đông Nam Á" thu hút 12 thành viên các nước tham gia trong diễn đàn các nước khu vực ASEAN. Hội thảo quốc tế "Giải pháp bền vững trong thiết kế đô thị", "Tiêu chuẩn Cửa và Khóa an toàn"... Cuộc thi quốc tế "Ý tưởng Quy hoạch cảnh quan Hai bờ sông Hàn, TP. Đà Nẵng"... Viện đã phối hợp với UNDP tại Việt Nam, tổ chức cuộc thi Thiết kế nhà ở an toàn và cộng đồng ven biển thích ứng với biến đổi khí hậu do Quỹ GCF, UNDP, Bộ Xây dựng và Bộ Nông nghiệp Phát triển Nông thôn với những hoạt động nâng cao nhận thức cộng đồng về ứng phó với biến đổi khí hậu.

Với những nỗ lực của sự nghiệp Đào tạo và Hợp tác quốc tế, thương hiệu của Viện Kiến trúc Quốc gia được khẳng định bằng những đóng góp của thành quả 40 năm cho sự nghiệp xây dựng của nước nhà.

KẾT LUẬN

Công tác Đào tạo và Hợp tác quốc tế Viện Kiến trúc Quốc gia tính đến nay cũng đã trải qua quá trình 40 năm hình thành và phát triển. Với tiền đề từ những năm 1979, giai đoạn thành lập Viện Tiêu chuẩn hóa và Điển hình hóa xây dựng, các khóa đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cho các cán bộ làm công tác tiêu chuẩn hóa đã được thực hiện, gắn với việc nâng cao nghiệp vụ công tác Tiêu chuẩn và Điển hình hóa, cần nhất những ứng dụng vào xây dựng thống nhất trong cả nước.

Dấu mốc quan trọng đặt nền móng vững chắc cho công tác Đào tạo của Viện phải được tính từ năm 2016 với sự kiện thành lập Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa Xây dựng. Với tầm nhìn, mục tiêu xây dựng Viện không chỉ dẫn đầu về công tác Nghiên cứu, Tư vấn về kiến trúc mà phải là đơn vị đào tạo về kiến trúc, Viện đã xây dựng "Đề án đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kiến trúc".

Với những nỗ lực không ngừng, ngày 28/11/2000, Thủ tướng Chính phủ ký chính thức giao nhiệm vụ đào tạo Tiến sĩ cho Viện Nghiên cứu Kiến trúc. Tiếp đến, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ký quyết định về việc giao đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Lý thuyết và Lịch sử Kiến trúc với Mã ngành: 2.17.08 cho Viện.

Công tác Hợp tác Quốc tế hình thành muộn hơn nhưng là sự kết hợp sát thực, quan trọng giữa đào tạo với hợp tác quốc tế cũng như liên kết hợp tác, nghiên cứu ứng dụng thực tiễn, chuyển giao khoa học công nghệ trong lĩnh vực kiến trúc, xây dựng sau này.

Như vậy, tính từ năm 2000 - 2019, công tác Đào tạo và Hợp tác quốc tế Viện Kiến trúc Quốc gia đã đi qua chặng đường 19 năm hoạt động. Mặc dù Viện cũng đã trải qua nhiều lần đổi tên rồi sáp nhập nhưng công tác Đào tạo vẫn được coi trọng, duy trì thường xuyên và cho đến ngày nay. Đây là nhiệm vụ khó, chuyên biệt, vốn là thế mạnh của các cơ sở chuyên về đào tạo. Mặc dù trên thế giới, việc đào tạo nghiên cứu sinh là hết sức quan trọng và có từ lâu đời. Tuy nhiên, ở Việt Nam, riêng đối với Viện Kiến trúc Quốc gia thì đó là nhiệm vụ còn tương đối mới mẻ, một phần được khởi sắc từ những năm 1994 đến nay và còn chưa được đầu tư nhiều nên đang gặp nhiều khó khăn kể cả nhân lực và vật lực.

Tuy nhiên, những nỗ lực tìm tòi, khai thác, những quyết tâm kiên định và kết quả đạt được trong công tác Đào tạo và Hợp tác quốc tế trong suốt chặng đường phát triển vừa qua đã góp phần khẳng định vị thế của một Viện Kiến trúc Quốc gia đầu ngành; Đồng thời làm tăng thêm vai trò, vị thế của Ngành Xây dựng trên thị trường Quốc tế.

VIAR VỚI CÔNG TÁC NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG THỰC TIỄN - DẤU ẤN CON NGƯỜI VÀ THỜI GIAN

VIAR WITH PRACTICAL APPLICATION RESEARCH - IMPRINT OF
PEOPLE AND TIME

VỊ TRÍ VÀ VAI TRÒ

Công tác Nghiên cứu ứng dụng 40 năm qua của Viện Kiến trúc Quốc gia luôn đóng vai trò quan trọng, góp phần nâng cao vị thế của Viện qua những sản phẩm tư vấn, thiết kế kiến trúc, công trình trong thực tiễn, tạo điều kiện nâng cao đời sống của CBVC Viện trong các giai đoạn. Đồng thời, từ công tác này đã tạo ra môi trường hành nghề thực tiễn cho đội ngũ các cán bộ, KTS, kỹ sư của Viện vừa làm nghiên cứu khoa học vừa ứng dụng, phát triển tay nghề trong hoạt động nghề nghiệp.

Có thể nói, hoạt động Nghiên cứu ứng dụng của Viện được thể hiện ở hai góc độ. Đó là những sản phẩm gắn với cá nhân, từng con người của Viện. Đặc biệt là các lãnh đạo Viện, lãnh đạo các trung tâm nghiên cứu, tư vấn thiết kế trong từng giai đoạn, vừa làm công tác quản lý vừa cầm bút thực hành sáng tác. Đó cũng là khối lượng công việc dày lên hàng năm của mỗi tập thể từng đơn vị trong Viện qua các thời kỳ.

Kiến trúc là lĩnh vực đặc thù, có sản phẩm trực tiếp hiện diện trong đời sống xã hội, diện mạo đất nước. Qua quá trình hoạt động, công

tác nghiên cứu ứng dụng sản xuất của Viện đã luôn kịp thời nắm bắt xu hướng phát triển của đất nước theo nền kinh tế thị trường, bắt đầu thực hành tư vấn thiết kế các công trình kiến trúc trên nhiều hạng mục từ trụ sở làm việc của các ban ngành, công trình giáo dục, y tế, ngân hàng, văn hóa thể thao, xây dựng tu bổ công trình văn hóa... đến tư vấn thiết kế công trình công nghiệp.

Đặc biệt, những năm gần đây, Viện đã tăng cường hợp tác với các địa phương và hợp tác, hỗ trợ các địa phương thực hiện nhiều dịch vụ tư vấn thông qua các chương trình phát triển đô thị, thiết kế đô thị, chỉnh trang đô thị, thiết kế kiến trúc công trình và quy hoạch xây dựng, giám sát thi công... Giá trị hợp đồng và sản lượng các dự án tăng lên theo từng năm.

Một Viện nghiên cứu khoa học sẽ là nền tảng thuận lợi cho công tác nghiên cứu ứng dụng và thực hành phát triển. Vì vậy, phát triển công tác nghiên cứu ứng dụng thực tiễn luôn cần thiết và đóng vai trò quan trọng góp phần vào sự nghiệp phát triển chung của Viện.

DẤU ẤN CON NGƯỜI VÀ THỜI GIAN

Những dấu ấn cá nhân

Theo dòng lịch sử, kiến trúc ngôi nhà sàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là tác phẩm do KTS Nguyễn Văn Ninh Vụ trưởng Vụ Thiết kế Tiêu chuẩn (1963 - 1973) thiết kế. Sau này, các Viện trưởng Nguyễn Việt Châu, Nguyễn Đình Toàn, Đỗ Thanh Tùng đều là các KTS và có những sản phẩm thiết kế mang dấu ấn cá nhân rõ rệt.

Có thể điểm qua những sản phẩm thiết kế tiêu biểu của Viện trưởng Nguyễn Đình Toàn, nay là Thứ trưởng Bộ Xây dựng với nhiều thiết kế, công trình gắn với các phòng làm việc của Trung ương Đảng, trụ sở làm việc của các ban ngành, địa phương, hay khối trường học, viện nghiên cứu, công trình văn hóa, bảo tàng... Ông cũng là người có đam mê vẽ tranh, ký họa. Ngoài những lúc làm công tác quản lý, Ông lại dành nhiều thời gian cho những đam mê, sáng tác của mình. Ông cũng là người có nhiều nghiên cứu về di sản kiến trúc Việt Nam nhưng cũng rất quan tâm, tiếp cận nhanh với những xu hướng kiến trúc hiện đại trên thế giới. Những sáng tác của Ông tất cả đều toát lên lối kiến trúc hiện đại, khỏe mạnh với những nét vẽ mạch lạc, tầng bậc, đôi khi lại mang những tiết tấu nhịp điệu qua mặt đứng công trình.

Viện trưởng Đỗ Thanh Tùng trong sự nghiệp hoạt động kiến trúc lại gắn nhiều đến mảng công trình tôn giáo, tín ngưỡng. Dấn thân vào lĩnh vực bảo tồn di sản kiến trúc gần như là “duyên trời định”. Trong thời gian hơn 10 năm, Ông làm việc tại một công ty tư vấn thuộc Bộ Văn hóa Thông tin. Từ một KTS không được đào tạo về công tác lập dự án, tư vấn thiết kế các công trình di tích văn

hóa lịch sử, nhưng bằng đam mê, tự học hỏi, tự nghiên cứu, Ông đã trở thành người nắm bắt sâu, rộng và đóng góp nhiều cho xã hội trong lĩnh vực này. Nhiều sản phẩm nghiên cứu, thiết kế của Ông đã được triển khai trong thực tế, đã đóng góp cho sự nghiệp bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các công trình di tích lịch sử văn hóa nước ta, như: Khu di tích lịch sử văn hóa Đền thờ Hai Bà Trưng tại Mê Linh, Hà Nội; Hệ thống Nghi môn, Tam quan của Khu vực Đền thờ Vua Đinh, Vua Lê tại Cổ Đô Hoa Lư, Ninh Bình; Khu di tích Đền Thượng Tây Thiên, Vĩnh Phúc; Khu di tích Động Hoa Lư và Động Thung Lá, Ninh Bình; Khu di tích Chùa Hà Thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc; Đề án bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị hệ thống các Di tích Lịch sử huyện Mê Linh, Hà Nội... Các sản phẩm nghiên cứu, sáng tác của Ông luôn được các nhà quản lý, các chuyên gia và xã hội đánh giá cao, được đón nhận và đã bổ sung hiệu quả cho các giá trị về thẩm mỹ, kiến trúc, lịch sử cho các công trình di tích, di sản.

Những dấu ấn Tập thể:

Những sản phẩm của khối nghiên cứu ứng dụng của Viện được đánh dấu qua các mốc thời gian, gắn với tên tuổi của các trung tâm nghiên cứu, tư vấn thiết kế và thi công. Để đáp ứng nhu cầu phát triển của Viện trong thực tiễn, từng giai đoạn Viện đều tăng cường hình thành các đơn vị nghiên cứu ứng dụng, sản xuất. Có thể khái quát tên tuổi các đơn vị qua các giai đoạn lịch sử hình thành như sau:

Những năm 1979, Viện có Xưởng thiết kế, Xưởng in và mô hình. Giai đoạn 1996-2006 Viện



Trung tâm Văn hóa Kinh Bắc
Chủ nhiệm: GS.TS.KTS. Nguyễn Việt Châu

có: Trung tâm Tư vấn Thiết kế Kiến trúc - Xây dựng; Trung tâm Đo lường, kiểm định; Trung tâm Đảm bảo tiêu chuẩn và thực nghiệm Xây dựng. Giai đoạn 2008-2013 là: Trung tâm Nghiên cứu Bảo tồn di tích và Bảo tàng kiến trúc; Trung tâm Tư vấn kiến trúc và Đầu tư xây dựng; Trung tâm Thi công Kiến trúc - Mỹ thuật; Trung tâm Kiến trúc miền Trung; Trung tâm Kiến trúc miền Nam.

Giai đoạn 2014-2019, Viện có các Trung tâm như: Trung tâm Bảo tồn di tích và di sản kiến trúc; Trung tâm Quy hoạch và thiết kế đô thị; Trung tâm Kiến trúc, quy hoạch nông thôn; Trung tâm Thi công Kiến trúc - Mỹ thuật; Trung tâm Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng; Trung tâm Kỹ thuật hạ tầng và khảo sát, kiểm định xây dựng; Trung tâm Kiến trúc Miền Trung; Trung tâm Kiến trúc miền Nam.

Hai trung tâm lâu đời nhất và có nhiều đóng góp cho thương hiệu của Viện phải kể đến là Trung tâm Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng và Trung tâm Kiến trúc Miền Nam.

Tháng 4/1996, Bộ Xây dựng hợp nhất Trung tâm Nghiên cứu Kiến trúc với Viện Tiêu chuẩn hoá Xây dựng thành Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hoá Xây dựng. Trung tâm Tư vấn kiến trúc và đầu tư xây dựng được hình thành trong thời điểm này và phát triển cho đến ngày hôm nay.

Tháng 7/1996, Bộ Xây dựng hợp nhất Chi nhánh Trung tâm Nghiên cứu kiến trúc đặt tại TP Vũng Tàu với Trung tâm Tiêu chuẩn hoá xây dựng tại TP Hồ Chí Minh thành Trung tâm Kiến trúc và Tiêu chuẩn hoá xây dựng trực thuộc Viện Tiêu chuẩn hoá xây dựng - Bộ Xây dựng. Tháng 02/1997 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đổi tên thành Trung tâm Kiến trúc Miền Nam trực thuộc Viện nghiên cứu Kiến trúc - Bộ Xây dựng; Tháng 7/2008, Trung tâm

Kiến trúc Miền Nam trực thuộc Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và Nông thôn - Bộ Xây dựng; Tháng 10/2013 Trung tâm được đổi tên thành Phân viện Kiến trúc miền Nam trực thuộc Viện Kiến trúc quốc gia - Bộ Xây dựng và đến tháng 5/2018 lại đổi tên thành Trung tâm Kiến trúc miền Nam.

Đối với Viện Kiến trúc Quốc gia, lĩnh vực nghiên cứu ứng dụng có lẽ phải tính từ những thiết kế điển hình hay những hạng mục trường học, nhà văn hóa xã, thôn, bản... trong các nhiệm vụ, đề tài nghiên cứu gắn với sản phẩm mô hình thực tiễn. Và cụ thể hơn là những đồ án nghiên cứu thiết kế kiến trúc, quy hoạch, những sản phẩm vừa tư vấn thiết kế được chọn thi công trực tiếp gắn với khối nghiên cứu ứng dụng sản xuất - trung tâm thực hành. Tính đến nay số lượng các công trình, dự án tham gia thực hiện của Viện đã lên tới con số gần 1.000 sản phẩm.

Ngay từ những ngày đầu thành lập, Trung tâm Tư vấn kiến trúc và Đầu tư xây dựng được giao chức năng chủ đạo là nghiên cứu ứng dụng thực tiễn, cụ thể là hoạt động trên lĩnh vực nghiên cứu thiết kế công trình, qua các dự án đầu tư và thi công ứng dụng các đề tài. Với chức năng nhiệm vụ được giao, cùng các KTS đầu đàn của trung tâm như KTS Ngô Huy Ngọ... đã bắt đầu khởi dựng từ các công trình tiêu biểu như các dự án: Bệnh viện Y học dân tộc, Viện Mắt Trung ương; Các công trình trụ sở làm việc các bộ ban ngành (Bộ Khoa học và Công nghệ...); Các công trình công nghiệp, ngân hàng; Công trình văn hóa thể thao, tượng đài (Đài Tưởng niệm các anh hùng liệt sỹ thành phố Hạ Long, khu di tích Chi Lăng...).

Năm 2008, Viện Nghiên cứu Kiến trúc Quốc gia sáp nhập với Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn thành Viện Kiến trúc, Quy hoạch Đô thị và

Một số công trình do
TS.KTS Nguyễn Đình Toàn
chủ nhiệm thiết kế



Công trình trụ sở phòng họp Trung ương Đảng



Bảo tàng lịch sử Đà Nẵng



Công trình Trung tâm Hội nghị tỉnh Phú Thọ



Nhà hát Trưng Vương thành phố Đà Nẵng

Nông thôn đã đánh dấu một bước thay đổi lớn trong hoạt động của công tác nghiên cứu ứng dụng thực tiễn. Khi đó, ngoài các công việc truyền thống, khối tư vấn thiết kế đã bắt đầu chuyển mình nghiên cứu sang lĩnh vực Quy hoạch đô thị, đánh dấu bằng các đồ án Quy hoạch chung thành phố Điện Biên, Quy hoạch chung thành phố Lào Cai, Quy hoạch TT Thị xã Tây Ninh, Quy hoạch cụm dân cư dọc sông Tiền Giang...

Giai đoạn từ 2014, công tác tư vấn thiết kế của Viện đã dẫn tập trung vào chuyên môn sâu của lĩnh vực kiến trúc công trình, cơ cấu quy mô tinh gọn, tập trung sâu vào những đồ án có chất lượng, điều đó thể hiện bằng các công trình của các cơ quan Trung ương giao phó, các công trình đặc thù chuyên ngành như hệ thống Tòa án, Bảo hiểm xã hội Việt Nam, một số cơ quan công quyền các tỉnh thành.

Các hạng mục tư vấn thiết kế phủ khắp từ: Trụ sở làm việc; Công trình hỗn hợp; Công trình giáo dục; Công trình y tế; Trụ sở Ngân hàng, kho bạc; Công trình văn hóa, thể thao; Công trình nhà ở; Công trình thương mại, khách sạn, nghỉ dưỡng đến công trình công nghiệp...

Nhiều hạng mục tư vấn quy hoạch xây dựng lớn đã được Trung ương và địa phương tin tưởng giao phó như: Dự án tiền khả thi Trung tâm hội nghị Quốc gia; Trụ sở UBND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; Trụ sở UBND tỉnh Bắc Ninh; Trụ sở UBND tỉnh Yên Bái; Trụ sở HĐND và UBND tỉnh Đắk Lắk; Phòng họp - Nhà làm việc Trung ương đảng; Thiết kế cải tạo nhà làm việc Ban đối ngoại trung ương; Trụ sở Bộ Khoa học Công nghệ; Nhà làm việc công ty bảo hiểm dầu khí; Tổ hợp nhà cao 50 tầng, Tân cảng; Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội; Bệnh viện Đa khoa Văn Đồn; Bệnh viện đa

khoa Vinmec Quảng Ninh, Hải Phòng, Đà Nẵng...

Trong các cuộc thi tuyển thiết kế, Viện đã đạt nhiều Giải Nhất như: “Trụ sở Bộ Khoa học Công nghệ và Môi trường”, “Trung tâm văn hoá Kinh Bắc”, “Khu trung tâm hành chính tỉnh Hậu Giang”, “Trung tâm văn hoá thông tin thành phố Đà Nẵng”, “Trụ sở làm việc Sở Bưu chính Viễn thông tỉnh Lạng Sơn”, “Trụ sở Công ty NAFORIMEX - Hà Nội”, phương án Thiết kế Vườn hoa Ngã ba Tràng An - Ninh Bình Phương án đồng giải Nhì (không có giải Nhất).

Nhiều phương án dự thi của Viện đã được chọn để thi công như: Quy hoạch khu đô thị du lịch và thương mại Phượng Hoàng - Móng Cái - Quảng Ninh, Dự án Mở rộng trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ Hà Nội, Thiết kế “Nhà ở và văn phòng làm việc Tổng Công ty máy động lực và máy nông nghiệp - Bộ Công nghiệp”...

KẾT LUẬN

Thực tế, thị trường tư vấn chuyên ngành còn nhiều khó khăn bởi những yêu cầu mới trong quản lý lĩnh vực tư vấn chuyên ngành và nhiều thay đổi trong cơ cấu đầu tư xây dựng đang đặt ra những yêu cầu về đổi mới, tăng cường tính chuyên nghiệp trên cả phương diện đáp ứng thủ tục hồ sơ năng lực cũng như thực hành thực tiễn.

Với bề dày hình thành và phát triển, Viện Kiến trúc Quốc gia hôm nay đang từng bước chuyên nghiệp hóa và vững bước đi trên cả hai lĩnh vực Nghiên cứu khoa học và Nghiên cứu ứng dụng. Những thành quả của công tác nghiên cứu ứng dụng không chỉ góp phần vào phát triển kinh tế chung của Viện mà còn thúc đẩy công tác tư vấn thiết kế, sáng tác trong lĩnh vực kiến trúc; Khẳng định vị thế của một Viện Kiến trúc đầu ngành.



Tu bổ, tôn tạo cụm di tích đình, đền, chùa Hội Phụ (Đông Anh, Hà Nội)



Công trình Bảo tồn tôn tạo và phát huy giá trị Cố đô Hoa Lư - Ninh Bình



Bảo tồn, tôn tạo chùa Kim Cương (Lập Đình, Phúc Yên, Vĩnh Phúc)



Bảo tồn, tôn tạo khu di tích Cổ Loa (Đông Anh, Hà Nội)



Tu bổ, tôn tạo chùa Hạ, chùa Trung, chùa Trinh Tây Thiên, Yên tử (Bắc Giang)



Một số công trình do Viện trưởng Đỗ Thanh Tùng chủ nhiệm thiết kế

CẦN THIẾT CÓ MỘT TẠP CHÍ NCKH CHUYÊN NGÀNH KIẾN TRÚC CỦA BỘ XÂY DỰNG

Năm 1994, Hiệu trưởng Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, TS.KTS Đặng Tố Tuấn, đã giao cho Trung tâm nghiên cứu Kiến trúc mở Tạp chí chuyên ngành về kiến trúc. Tháng 4/1994, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam ra đời đáp lại lòng mong mỏi lớn là Ngành Xây dựng cần có một tờ Tạp chí NCKH về chuyên ngành Kiến trúc.

Những phác thảo đầu tiên về nội dung và hình thức của Tạp chí dần dần được định hình. Đó là một Tạp chí nghiên cứu Kiến trúc dựa trên nền tảng văn hóa Việt Nam, đúng như tên gọi là Tạp chí Kiến trúc Việt Nam.

Phải nói rằng, vào thời điểm đó, tiếp cận nghiên cứu kiến trúc từ văn hóa chưa nhiều, trong khi chỉ có một tạp chí duy nhất là Tạp chí Kiến trúc của Hội KTS Việt Nam lại định hướng nội dung chính vào sáng tác kiến trúc. Hơn nữa, đất nước mới vừa bước vào thời kỳ mở cửa, nên chủ trương hội nhập với kiến trúc thế giới trên cơ sở văn hóa Việt Nam là cần thiết.

Trải qua thời gian, đến nay, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam tròn 25 năm hình thành và phát triển. Tạp chí cũng trải qua nhiều chặng đường phát triển với sự kiên trì, bền bỉ để giữ vững "bản sắc" của mình.

Cố GS.TS.KTS. Nguyễn Việt Châu - Nguyên Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kiến trúc - Tổng biên tập Tạp chí Kiến trúc Việt Nam (2004 - 2006), năm 1994 đã từng chia sẻ rằng: "Từng là Tổng biên tập những năm đầu của thập kỷ trước, nhớ về những ngày tháng khó khăn ấy, tôi càng thấu hiểu và đánh giá cao những thành tựu to lớn Tạp chí đã đạt được ngày hôm nay. Để có được sự cộng tác viết bài của đông đảo các chuyên gia, các nhà khoa học trong giới kiến trúc xây dựng, văn hóa, xã hội... từ đó tạo

một chỗ đứng vững chắc trong lòng độc giả, anh chị em phóng viên, biên tập viên ắt hẳn đã phải lao động vất vả nhiệt tình, năng động và sáng tạo rất nhiều... Nếu đặt câu hỏi về những gì còn tồn tại cần thay đổi trong thời gian tới thì có chăng đó là sự khẳng định "bản sắc" Tạp chí chuyên ngành của Viện nghiên cứu Quốc gia về Kiến trúc. "Bản sắc" (hay nói cách khác là đặc trưng riêng) của Tạp chí Kiến trúc Việt Nam phải chăng đó là cái chất "hàn lâm" thể hiện qua mảng Lý luận phê bình kiến trúc. Xã hội ngày càng rất cần những nghiên cứu lý luận, phê bình, góp phần tích cực trong định hướng sáng tác kiến trúc và đặc biệt mong chờ Viện Kiến trúc Quốc gia thông qua Tạp chí Kiến trúc Việt Nam cố gắng chú trọng xây dựng đội ngũ lý luận, phê bình kiến trúc chuyên nghiệp và tăng cường công tác truyền thông phản biện xã hội".

KTS. Nguyễn Tấn Vạn - Chủ tịch Hội KTS Việt Nam cũng đã dành cho Tạp chí những đánh giá chân tình: "Tạp chí Kiến trúc Việt Nam đã có những bước phát triển vượt bậc, xứng đáng với một tờ tạp chí chuyên ngành, hàn lâm về Kiến trúc. Điều này được thể hiện cả về nội dung và hình thức trong từng chuyên đề, từng số báo của Tạp chí, tạo nên một dấu ấn riêng, vị trí riêng so với các tờ báo về kiến trúc khác. Dưới góc độ là một tờ Tạp chí mang tính nghiên cứu, hàn lâm, Kiến trúc Việt Nam đã trở thành sân chơi của giới Kiến trúc sư và những người làm nghề. Họ có thể chia sẻ, đóng góp ý kiến, quan điểm cá nhân cũng như nhận định, cảnh báo trước một quyết định, công trình hay một trào lưu của xã hội. Bên cạnh đó, Tạp chí cũng là nơi truyền tải, diễn giải một cách cụ thể, đúng hướng những văn bản, chính sách của Ngành để người dân cũng như người làm nghề hiểu rõ hơn".

TỔNG BIÊN TẬP TẠP CHÍ QUA CÁC THỜI KỲ



GS. Đặng Tố Tuấn
Tổng Biên tập từ 1994 -1996



GS. TS. Nguyễn Bá Đăng
Tổng Biên tập từ 1996-2003



TS. KTS. Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Biên tập từ 2003-2004



GS. TS. Nguyễn Việt Châu
Tổng Biên tập từ 2005-2008



TS. KTS. Nguyễn Đình Toàn
Tổng Biên tập từ 2008-2012



Nhà báo Phạm Thị Thanh Huyền
Tổng Biên tập từ 2012- Nay

THỜI GIAN VÀ NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Năm 2019, Tạp chí tròn 25 năm hình thành và phát triển. Đây là cả một hành trình bền bỉ, kiên trì với vai trò là cơ quan ngôn luận về chuyên ngành Kiến trúc của Bộ Xây dựng, kết nối và truyền tải rộng rãi đến giới kiến trúc, xây dựng, các nhà quản lý ngành, địa phương, bạn đọc cả nước những thông tin hữu ích, những nghiên cứu khoa học về kiến trúc, xây dựng, bảo tồn di sản và phát triển đô thị, nông thôn Việt Nam trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai.

Ngược lại dòng thời gian, Năm 2014, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam được thành lập theo QĐ số 452/BXD-TCLĐ, ngày 30/6/1994. Tiếp đó, tháng 1/1995, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký QĐ số 40/BXD - TCLĐ thành lập Tạp chí Kiến trúc Việt Nam thuộc Bộ Xây dựng. Năm 1996, Bộ trưởng Bộ Xây dựng có Quyết định số 984/BXD - TCLĐ về việc giao Viện trưởng Viện Kiến trúc và Tiêu chuẩn hóa xây dựng quản lý hoạt động Tạp chí theo các nội dung cụ thể: Quản lý cơ sở vật chất; Quản lý kinh phí hoạt động của Tạp chí; Quản lý số lượng xuất bản từng kỳ của Tạp chí. Tháng 3/1997, Tạp chí chuyển trụ sở về Bộ Xây dựng số 37 Lê Đại Hành. Tháng 11/1999, Tạp chí chính thức trực thuộc Viện Nghiên cứu Kiến trúc, chuyển trụ sở về 389 Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội.

Trở lại những năm đầu thành lập, sau một thời gian chuẩn bị với sự quyết tâm lớn, tháng 6/1994 Tạp chí Kiến trúc Việt Nam đã ra đời. Người Tổng Biên tập đầu tiên là PGS.TS.KTS Đặng Tố Tuấn - Hiệu trưởng trường Đại học Kiến trúc Hà Nội kiêm Tổng Biên tập. Tạp chí nhanh chóng ổn định nơi làm việc tại 195 Lê Duẩn.

Lúc này, Logo của Tạp chí được KTS Nguyễn Quốc Thông - Thư ký toà soạn đầu tiên của Tạp chí cùng họa sỹ Bùi Dũng sáng tác lấy ý tưởng là một khối vuông với hình chữ K lồng trong nét cong của mái chùa Việt Nam. Logo này đã nhận được sự đánh giá cao về ý tưởng và vẫn được duy trì cho đến ngày nay.

Từ 1994 - 1997, Tạp chí xuất bản 3 tháng/số. Sự có mặt của Tạp chí Kiến trúc Việt Nam như một luồng gió mới được đồng đảo anh chị em KTS trong và ngoài ngành đón nhận.

Từ tháng 11/1996, dưới thời Tổng Biên tập PGS.TS.KTS Nguyễn Bá Đăng Trụ sở của Tòa soạn chuyển từ 195 Lê Duẩn về Bộ Xây dựng tại 37 Lê Đại Hành, Hà Nội. Thời điểm này Tạp chí

có nhiều thay đổi với vai trò là đơn vị báo chí trực thuộc Bộ Xây dựng. Năm 1997: Tạp chí bắt đầu xuất bản 2 tháng/số

Năm 2003: KTS Phạm Thanh Tùng giữ chức vụ Tổng Biên tập Tạp chí thay GS.TS.KTS Nguyễn Bá Đăng. Từ tháng 11/2003, Tạp chí tăng xuất bản 1 tháng/1 số và duy trì cho đến ngày nay.

Tháng 5/2004: GS.TS.KTS Nguyễn Việt Châu, Viện trưởng Viện Nghiên cứu Kiến trúc là Tổng Biên tập Tạp chí.

Giai đoạn 2006 - 2012: Dưới thời Tổng Biên tập TS.KTS Nguyễn Đình Toàn, Tạp chí bắt đầu thực hiện các số theo chuyên đề, trong đó có các chuyên đề nóng không chỉ trong lĩnh vực di sản kiến trúc mà mở rộng tới các vấn đề Kiến trúc với xã hội, hội nhập quốc tế, với phát triển đô thị... Đây cũng là thời kỳ Tạp chí tích cực tổ chức các diễn đàn, hội thảo, cuộc thi liên quan đến lĩnh vực Kiến trúc, vật liệu xây dựng... Hoạt động này đã góp phần không nhỏ vào việc nâng cao vị thế, vai trò của Tạp chí. Giai đoạn này Tạp chí cũng đã hình thành trang thông tin điện tử. Kiến trúc Việt Nam là Tạp chí đầu tiên trong lĩnh vực Kiến trúc, Xây dựng sớm đi vào hoạt động trang thông tin điện tử.

Từ tháng 01/2012 đến nay, Nhà báo Phạm Thanh Huyền đảm nhiệm vai trò là Tổng Biên tập. Tạp chí đã khẳng định rõ hướng đi riêng biệt, đẩy mạnh thông tin về nghiên cứu khoa học, lý luận của Ngành qua các chuyên đề trên từng số. Tạp chí đã vươn tới nhiều chủ đề "nóng", rộng, vì vậy có tác động tích cực đối với lĩnh vực xây dựng nói chung, kiến trúc nói riêng, gắn liền với sự hình thành đô thị và nông thôn, từ tổng thể đến công trình trong các giai đoạn. Chính điều này là nền tảng, cơ sở phục vụ cho công tác đánh giá, tổng kết, nghiên cứu, lý luận và đồng thời cũng là để tiếp nối với sự phát triển mới của đất nước.

Tạp chí đã phát huy cao độ vai trò của một Tạp chí khoa học chuyên ngành, trở thành một diễn đàn chuyên môn sâu sắc, được giới nghề nghiệp và bạn đọc đánh giá cao. Năm 2014, trang thông tin điện tử kientrucvietnam.org.vn được nâng cấp lên theo tiêu chí của trang thông tin điện tử hiện đại. Trong đó mục Đọc Tạp chí giấy đã hỗ trợ truyền tải thông tin rộng rãi hơn nữa tới bạn đọc những nội dung trên từng số Tạp chí.

25 năm qua, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam đã xuất bản gần



Hàng trăm ấn phẩm Tạp chí được phát hành



Vinh danh Tổng Biên tập Tạp chí Kiến trúc Việt Nam qua các thời kỳ

240 số, đóng góp tiếng nói chuyên môn hữu ích cho giới nghề nghiệp và bạn đọc cả nước, đánh dấu những bước đổi mới rõ rệt cả về nội dung và hình thức thông qua những nội dung lớn như: Lịch sử kiến trúc, di sản, bảo tồn và bản sắc kiến trúc Việt; Các vấn đề lý luận, thực tiễn, tâm điểm, mũi nhọn của nền kiến trúc đương đại Việt Nam; Các vấn đề quy hoạch và quản lý phát triển đô thị và nông thôn; Sáng tác kiến trúc, tác phẩm, tác giả và phê bình kiến trúc; Đào tạo KTS; Các xu hướng phát triển kiến trúc và đô thị trong và ngoài nước; Các nghiên cứu mang tính dự báo, mở rộng tầm nhìn về triển vọng kiến trúc, phát triển đô thị...

Bên cạnh đó, Tạp chí cũng mở rộng hoạt động, tổ chức các diễn đàn, hội thảo nghề nghiệp như: Diễn đàn KTS trẻ với “Kiến trúc Hà Nội hôm nay và ngày mai”; “Nhịp cầu Kiến trúc - Công nghệ - Vật liệu mới”; Cuộc thi: “Kiến trúc Hà Nội hướng tới 1000 năm Thăng Long”; “Kiến trúc Cổng cửa khẩu Việt Nam”; Hội thảo “Nhà cao tầng - Xu hướng phát triển tại TPHCM”; Hội thảo về Vật liệu Composit; Bảo trợ, tư vấn truyền thông cho nhiều sự kiện thường niên của Ngành, lĩnh vực, các hãng vật liệu, thiết bị xây dựng...

Các hoạt động trên đã giúp cho Tạp chí gắn gũi và thân thiết hơn với xã hội, giới nghề nghiệp, khẳng định vai trò của một cơ quan ngôn luận về chuyên ngành Kiến trúc của Bộ Xây dựng; Đồng thời nâng cao tính lý luận và phê bình kiến trúc, giúp ích cho công tác quản lý cũng như hoạt động nghề nghiệp của Ngành, các địa phương trên cả nước.

Nhiều chuyên đề “nóng” trên Tạp chí đã gây được sự quan tâm, lan tỏa trong xã hội, được độc giả nhiệt thành đón nhận như: Kiến trúc sư với vấn đề hội nhập; Tư vấn thiết kế nước ngoài - Hiệu quả và bất cập; Xây nhà sai phép; Hà Nội mở rộng phát triển và bền vững; Xây dựng nông thôn mới; Nhà ở tái định cư - Bất cập và giải pháp; Kiến trúc tôn giáo tín ngưỡng - Xây dựng hiện nay sẽ đi theo hướng nào; Cầu vượt trong đô thị; Thiết kế bệnh viện; Mật độ - Tập trung hay dàn trải; Nhà ở xã hội - Đòn bẩy chính sách; Thiết kế phí Tầm và Tiền; Đào tạo hệ thống theo tín chỉ - Khó khăn và thách thức; Đô thị lành mạnh - Đô thị hạnh phúc...

Trong 5 năm (2014 - 2019), Tạp chí đã thực hiện 45 chuyên đề chuyên môn sâu. Có thể kể tên một số chuyên đề tiêu biểu như: Luật Kiến trúc - Cơ hội mới cho phát triển nền kiến trúc Việt Nam; Phát triển đô thị TPHCM thế kỷ 21 từ bản sắc sông nước Sài Gòn;

Giải pháp nào cho Nhà ga C9 tại khu vực Hồ Gươm; Kiến trúc ngoại lai và những vấn đề đặt ra; Phát triển đô thị thông minh - Con đường và giải pháp; Phát triển đô thị vệ tinh - Tầm nhìn và định hướng; Bản sắc đô thị Việt Nam; Phát triển nông thôn mới - Những vấn đề đặt ra, Phát triển nhà cao tầng ven biển; Nôi cơm đô thị ở đâu?...

Đặc biệt, từ đầu năm 2019, Tạp chí cũng đã đổi khổ, đổi mới cơ bản về hình thức trình bày, tạo nên một diện mạo mới, sang trọng và hấp dẫn hơn. Cũng trong năm 2018 - 2019, các chuyên đề thực hiện trên Tạp chí đã được đánh giá, ghi nhận rất cao bởi sự nắm bắt kịp thời những vấn đề thời sự, công tác ban hành pháp luật và quản lý của Nhà nước, của Ngành. Một số chuyên đề đã có tác động tích cực đối với các ban ngành, dư luận xã hội, là tài liệu quý cho các đại biểu quốc hội, các nhà quản lý trong và ngoài Ngành tham khảo trước khi đưa ra những quyết sách lớn như: Giải pháp nào cho Nhà ga C9 tại khu vực Hồ Gươm? Phát triển đô thị TPHCM thế kỷ 21 từ Bản sắc sông nước Sài Gòn; Luật Kiến trúc - Cơ hội mới cho phát triển kiến trúc Việt Nam...

Từ những vấn đề nghiên cứu, tổng kết, đề dẫn, đề xuất qua các chuyên đề đã góp phần mang tính dẫn lối về chủ đề cho nhiều hội thảo, hội nghị, các chủ đề trên các kênh truyền hình, gợi mở đề tài cho nhiều bạn bè đồng nghiệp. Cũng chính bởi lẽ đó, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam được đánh giá cao với vai trò là một diễn đàn có chất lượng chuyên môn cao, thu hút được sự quan tâm, theo dõi và tham gia của nhiều chuyên gia giỏi trong và ngoài ngành.

Vững bước trên chặng đường 25 năm với hướng đi đã được lựa chọn, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam sẽ luôn vững vàng đi lên và luôn xứng đáng là một diễn đàn chuyên môn uy tín của giới kiến trúc, của Ngành và bạn đọc cả nước.

Phải nói rằng, vào thời điểm đó, tiếp cận nghiên cứu kiến trúc từ văn hóa chưa nhiều, trong khi chỉ có một tạp chí duy nhất là Tạp chí Kiến trúc của Hội Kiến trúc sư Việt Nam lại định hướng nội dung chính vào sáng tác kiến trúc. Hơn nữa, đất nước mới vừa bước vào thời kỳ mở cửa, nên chủ trương hội nhập với kiến trúc thế giới trên cơ sở văn hóa Việt Nam là cần thiết.

Đến nay, Tạp chí Kiến trúc Việt Nam tròn 25 năm hình thành và phát triển. Tạp chí cũng trải qua nhiều chặng đường phát triển với sự kiên trì, bền bỉ để giữ vững “bản sắc” của mình.

kientrucvietnam.org.vn

Kiến trúc Việt Nam

1978-2018

BỘ XÂY DỰNG
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
www.moc.gov.vn

TẠP CHÍ TIN TỨC CHUYÊN NGÀNH HÀNH NGHỀ BẤT ĐỘNG SẢN GÓC THIẾT KẾ CÔNG NGHỆ - VẬT LIỆU ĐÀO TẠO PHÁP LÝ XÂY DỰNG

Trang chủ 14/11/2019 Twitter Google+ Facebook Rss Tìm kiếm...



Sửa Luật Xây dựng: 8 trường hợp không cần giấy phép xây dựng

Dự luật đã đơn giản hóa một số thủ tục hành chính trong lĩnh vực xây dựng, miễn giấy phép xây dựng đối với một số công trình. Sáng 11-11, Bộ trưởng Bộ Xây dựng Phạm Hồng Hà đã trình bày Tờ trình về dự án Luật sửa...

Đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ ứng dụng BIM cho Bộ Xây dựng và Bộ Giao thông vận tải

Chuyên gia Savills: Nền kinh tế chia sẻ đang tác động mạnh mẽ lên thị trường bất động sản

HoREA lo ngại tăng khung giá đất giai đoạn 2019 - 2024 ảnh hưởng lớn đến thị trường BĐS

Không tách bạch được vốn, nhà đầu tư sẽ e ngại tham gia dự án PPP

Lắng nghe người dân hiến kế: Tạo mảng xanh cho thành phố

Hà Nội sẽ di dời 90 cơ sở gây ô nhiễm

Mô hình bất động sản du lịch mới hút mạnh nhà đầu tư

Bình Dương đang xây dựng bảng giá đất 5 năm tới, lo ngại giá đất nhiều khu vực "nhảy múa"

ĐỌC BÁO GIẤY

PHÁP LÝ XÂY DỰNG

SiM Hotline: 0976 163 690

KIẾN TRÚC 360

Trang thông tin: kientrucvietnam.org.vn được cập nhật thông tin liên tục hàng ngày các tin tức, sự kiện chuyên ngành Kiến trúc và Xây dựng

Các chuyên đề trên Tạp chí phục đắc lực công tác nghiên cứu, quản lý, ban hành các cơ chế chính sách của Ngành, Chính phủ.



TẠP CHÍ KIẾN TRÚC VIỆT NAM
DANH SÁCH CÁC CHUYÊN ĐỀ THỰC HIỆN TỪ 2006 - 2019

SỐ TT TÊN CHUYÊN ĐỀ

- | | | | |
|----|--|----|---|
| 1 | Cảnh quan kiến trúc dòng sông trong đô thị (2006) | 33 | Góc nhìn về văn hóa đô thị (2009) |
| 2 | Đô thị biển Việt Nam | 34 | Hướng tới lập quy hoạch chung Hà Nội mới |
| 3 | Kiến trúc nông thôn trước đòi hỏi của sự phát triển | 35 | Nhà ở xã hội |
| 4 | Bảo tồn phố cổ Hà Nội | 36 | Nhà cao tầng và căn bệnh giả mái Mansard hiện nay |
| 5 | Kiến trúc sư trưởng - nhân tố không thể thiếu | 37 | Xây dựng nông thôn mới |
| 6 | Kiến trúc sư với vấn đề hội nhập | 38 | Việt Trì hướng tới Tp lễ hội về với cội nguồn |
| 7 | Kiến trúc Hà Nội - Hôm qua, hôm nay, ngày mai... | 39 | Thi tuyển phương án thiết kế - Bất cập và giải pháp |
| 8 | Làm đẹp TP Hà Nội | 40 | KTS Việt Nam và môi trường hành nghề hiện nay |
| 9 | Kiến trúc cao tầng - Xu hướng phát triển tại TP HCM | 41 | Tư vấn thiết kế nước ngoài - Hiệu quả và bất cập |
| 10 | Làng truyền thống đồng bằng Bắc Bộ | 42 | Hướng đi mới cho các khu chung cư cũ |
| 11 | Chào xuân Đinh Hợi (2007) | 43 | Đổi mới đào tạo KTS |
| 12 | Xây nhà sai phép | 44 | Kỷ niệm 15 năm thành lập TC KTVN |
| 13 | Quản lý kiến trúc | 45 | Hà Nội 1000 năm phát triển và bảo tồn (2010) |
| 14 | Nhà chung cư | 46 | Kiến trúc Nhà thờ họ thời nay |
| 15 | Thiết kế đô thị | 47 | Quy hoạch Hà Nội đến 2030 tầm nhìn 2050 |
| 16 | Điêu khắc và Kiến trúc | 48 | Vật liệu hoàn thiện |
| 17 | Mái nhà | 49 | Xây dựng nông thôn mới trong đô thị |
| 18 | Phương án thiết kế nhà quốc hội | 50 | Xây dựng khu công nghiệp vùng ven đô |
| 19 | Bảo tàng | 51 | Phát triển đô thị sinh thái ở Việt Nam. |
| 20 | Thành phố sông Hồng | 52 | Kiến trúc cầu |
| 21 | Hội đồng kiến trúc | 53 | Kiến trúc xanh và vật liệu không nung |
| 22 | Cơ chế Xin - Cho (2008) | 54 | Nhà ở vùng gió bão |
| 23 | Kiến trúc cửa khẩu | 55 | Quản lý đô thị (2011) |
| 24 | Đô thị và biển quảng cáo | 56 | Quy hoạch các trường ĐH ở Hà Nội và TP.HCM |
| 25 | KT Hà Nội hướng tới 1000 năm Thăng Long | 57 | Điểm nhấn trong Kiến trúc và Quy hoạch |
| 26 | Hà Nội mở rộng - Phát triển và bền vững | 58 | Thiết kế và quy hoạch khu ĐH tập trung |
| 27 | Kiến trúc tông giáo tín ngưỡng - Xây dựng hiện nay sẽ đi theo hướng nào? | 59 | Tổ chức không gian sống trong nhà chung cư |
| 28 | Kiến trúc xanh và môi trường phát triển bền vững | 60 | Kiến trúc cột cờ |
| 29 | Hướng tới một Đà Lạt phát triển bền vững, hiện đại và bản sắc | 61 | Vách ngăn nhẹ và xu hướng không gian mở |
| 30 | Phát triển đô thị mới ở Hà Nội | 62 | Cầu vượt trong đô thị |
| 31 | Vật liệu kính trong kiến trúc hiện đại | 63 | Kiến trúc ga đường sắt đô thị |
| 32 | Kiến trúc - Quy hoạch nông thôn thời đổi mới | 64 | Công trình ngầm đô thị |
| | | 65 | Kiến trúc không gian ngày Tết |
| | | 66 | Thiết kế phí - Tâm và tiền (2012) |

67	Đô thị hóa bền vững	104	Tạo lập và phát triển đô thị sông nước Cần Thơ
68	Nhà ở xã hội	105	Phát triển khu trung tâm hiện hữu TP.HCM - Tầm nhìn tương lai (2016)
69	Không gian dịch vụ công cộng	106	Mô hình làng đô thị xanh (Thành phố Đà Lạt)
70	Giải pháp tiết kiệm năng lượng	107	Chất lượng Phát triển đô thị - Thực trạng và Giải pháp.
71	Thiết kế bệnh viện	108	Hè phố - Tạo dựng không gian văn hóa, kinh tế trong đô thị
72	Nhà ở nông thôn mới	109	Thiết kế căn hộ chung cư cao tầng hiện nay
73	750 năm Thiên Trường - Nam Định	110	Thiết kế đô thị và tạo lập bản sắc vùng miền
74	Công nghệ - vật liệu mới giảm giá thành	111	Đổi mới công tác phê bình kiến trúc hiện nay (2017)
75	Bất động sản 2013- Tầm nhìn và hướng đi	112	Xây dựng công trình cao tầng ven biển - Các vấn đề đặt ra?
76	Mật độ tập trung hay dàn trải	113	Dự thảo Luật quy hoạch - Những điểm tạo nên tranh luận
77	Xuân Quý Tỵ (2013)	114	Phát triển đô thị thông minh tại Việt Nam - Con đường & Giải pháp?
78	Thiết kế đô thị - công cụ để quản lý	115	Quy hoạch chung - Phá vỡ do đâu?
79	Giải pháp giảm giá nhà ở	116	Xây dựng công trình cao tầng trong Nội đô - Lợi ích và bất cập.
80	Phát triển công trình xanh ở Việt Nam	117	Đẩy mạnh ứng dụng BIM - Cơ hội và thách thức
81	Nhà ở xã hội - Đòn bẩy chính sách	118	Kiến trúc ngoại lai gần đây - Những vấn đề đặt ra?
82	Làng cổ Đường Lâm - Bảo tồn và phát triển	119	Biến đổi khí hậu và những giải pháp về kiến trúc hiện nay.
83	Đường sắt đô thị	120	Xây dựng đô thị vệ tinh - Góc nhìn và định hướng.
84	Bảo tồn kiến trúc kiểu Pháp tại Hải Phòng	121	Phát triển đô thị Bắc sông Hồng - Cơ hội và thách thức (2018)
85	Đào tạo hệ thống theo tín chỉ - Khó khăn và thách thức	122	Xây dựng khu dân cư kiểu mẫu, vườn mẫu trong NTM
86	Rào cản những công trình tốt ở Việt Nam	123	Thành phố Hồ Chí Minh & bài toán cải tạo chung cư cũ
87	Những bài viết đặc sắc trong năm	124	Condotel - Từ văn bản pháp lý đến xu hướng phát triển hiện nay
88	Nhà ở tái định cư - Bất cập và giải pháp (2014)	125	Phòng cháy chữa cháy nhà ở cao tầng từ góc độ quản lý và thiết kế
89	Tái thiết đô thị	126	Bảo tồn và phát triển di sản kiến trúc đô thị - Những vấn đề đặt ra
90	Nhìn lại kiến trúc, quy hoạch nông thôn mới	127	Kiến trúc nhà phố mới hiện nay -Thực trạng và định hướng
91	Nông thôn mới, kinh nghiệm quốc tế	128	Quản lý xen cấy công trình cao tầng nội đô lịch sử
92	Phát triển đô thị di sản Huế	129	Giải pháp nào cho nhà ga C9 tại Hồ Gươm (2019)
93	Tiếp nối bản sắc kiến trúc đô thị Huế	130	Kiến trúc & Quy hoạch đô thị với cách mạng công nghiệp 4.0
94	Đô thị lành mạnh - Đô thị hạnh phúc	131	Phát triển đô thị thế kỷ 21 từ bản sắc kênh rạch sông nước Sài Gòn- Trường hợp quy hoạch cải tạo chính trang tuyến kênh Nhiêu Lộc - Thị Nghè.
95	Tái thiết chung cư cũ, thực trạng và giải pháp	132	Luật Kiến trúc - Cơ hội mới cho phát triển kiến trúc Việt Nam
96	Bản sắc đô thị	133	Viện Kiến trúc Quốc gia - 40 năm hình thành và phát triển
97	Tạo lập bản sắc đô thị sông nước Cần Thơ (2015)	134	Kiến trúc Việt Nam với Văn hóa - Môi trường trong kỷ nguyên công nghệ số.
98	Quy hoạch nông thôn mới - 5 năm nhìn lại		
99	Quảng Ninh Xây dựng Nông thôn mới - 5 năm nhìn lại		
100	Quy chuẩn - Tiêu chuẩn kiến trúc nhà ở và công trình công cộng		
101	Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kiến trúc		
102	Nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Quy hoạch Xây dựng		
103	Quy chuẩn - Tiêu chuẩn trong lĩnh vực quy hoạch xây dựng		

CÔNG TRÌNH - DỰ ÁN -
GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU

TYPICAL WORKS - PROJECTS - AWARDS

- BẢO TỒN DI SẢN KIẾN TRÚC
PRESERVING ARCHITECTURAL HERITAGE
- TƯ VẤN KIẾN TRÚC VÀ THIẾT KẾ CÔNG TRÌNH
ARCHITECTURAL CONSULTING AND WORKS DESIGN
- QUY HOẠCH VÀ THIẾT KẾ ĐÔ THỊ
URBAN PLANNING AND DESIGN
- CÔNG TRÌNH NỘI THẤT VÀ MỸ THUẬT
INTERIOR AND ART WORKS
- Ý TƯỞNG VÀ CUỘC THI
IDEAS AND COMPETITIONS